

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

TCVN 10256:2013

ISO 690:2010

Xuất bản lần 1

**THÔNG TIN VÀ TƯ LIỆU –
HƯỚNG DẪN CHO CÁC THAM CHIẾU VÀ TRÍCH DẪN
THƯ MỤC ĐỐI VỚI CÁC NGUỒN TIN**

*Information and documentation –
Guidelines for bibliographic references and citations to information resources*

HÀ NỘI - 2013

Lời nói đầu

TCVN 10256:2013 hoàn toàn tương đương với ISO 690:2010;

TCVN 10256:2013 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC 46
Thông tin và Tư liệu biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Chất lượng đề nghị,
Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Thông tin và Tư liệu – Hướng dẫn cho các tham chiếu và trích dẫn thư mục đối với các nguồn tin

Information and documentation – Guidelines for bibliographic references and citations to information resources

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này hướng dẫn việc chuẩn bị các tham chiếu thư mục. Tiêu chuẩn cũng đưa ra hướng dẫn cho việc chuẩn bị các trích dẫn bằng bộ ký tự Latin trong các tác phẩm mà bản thân không phải chủ yếu là thư mục. Tiêu chuẩn này được áp dụng cho các tham chiếu và trích dẫn thư mục cho tất cả các loại nguồn tin, bao gồm nhưng không giới hạn chỉ chuyên khảo, xuất bản phẩm nhiều kỳ, bài đóng góp, sáng chế, tài liệu bản đồ, nguồn tin điện tử (bao gồm cả phần mềm máy tính và cơ sở dữ liệu), bản nhạc, tài liệu ghi âm, tài liệu in, ảnh, tác phẩm đồ họa và nghe nhìn, hình ảnh động. Tiêu chuẩn này không áp dụng cho trích dẫn được phân tích bằng máy và các trích dẫn quy phạm pháp luật, mà đã có tiêu chuẩn riêng.

Tiêu chuẩn này không mô tả một kiểu cụ thể của tham chiếu hoặc trích dẫn. Các ví dụ được sử dụng trong tiêu chuẩn này không quy định đến kiểu và dấu ngắt câu.

Phụ lục A và Phụ lục B tham chiếu đến điều có liên quan của tiêu chuẩn này, giải thích yêu cầu để tham chiếu hoặc trích dẫn các nguồn tin được in và nguồn tin điện tử. Phụ lục C đưa ra ví dụ về tham chiếu thư mục thực hiện theo tiêu chuẩn này.

2 Thuật ngữ và định nghĩa

Tiêu chuẩn này áp dụng các thuật ngữ và định nghĩa sau đây.

2.1

Ký hiệu xếp giá (call number)

Tham chiếu được cung cấp để cho phép người quản lý kho xác định vị trí một nguồn tin trong một kho lưu trữ

TCVN 10256:2013

2.2

Trích dẫn (citation)

Chỉ dẫn một tham chiếu liên quan trong văn bản hoặc hình thức nội dung khác

2.3

Chương trình máy tính (computer program)

Lịch trình hoặc kế hoạch xác định các hành động được thể hiện trong một hình thức thích hợp để máy tính thực hiện

[ISO/TR 9544:1988]

2.4

Bài đóng góp (contribution)

Tài liệu được cung cấp bởi một tác giả để tạo thành một phần của nguồn tin chủ từ nhiều tác giả

VÍ DỤ: Một bài báo trong xuất bản phẩm nhiều kỳ.

2.5

Người tạo lập (creator)

Đối tượng chịu trách nhiệm chính cho việc tạo lập nguồn tin

[ISO 15836:2009]

2.6

Cơ sở dữ liệu (database)

Bộ sưu tập các đối tượng dữ liệu được lưu trữ chung dưới dạng điện tử, theo một lược đồ, và có thể truy cập bằng máy tính

CHÚ THÍCH: Một số cơ sở dữ liệu, hoặc các tệp tin trong một cơ sở dữ liệu, cũng có thể tạo thành một chuyên khảo hoặc xuất bản phẩm nhiều kỳ. Trong trường hợp nơi có thể dễ dàng xác định rằng một nguồn tin điện tử cụ thể là chuyên khảo hoặc xuất bản phẩm nhiều kỳ, những thuật ngữ này được ưu tiên hơn thuật ngữ rộng hơn "cơ sở dữ liệu"

2.7

Tác phẩm đồ họa (graphic works)

Các đồ họa như bức ảnh (bao gồm cả âm bản và dương bản), bản khắc, bản in, bản vẽ, biểu đồ tường, v.v...

2.8

Nhan đề khóa (key title)

Tên đơn nhất do mạng ISSN cấp cho một xuất bản phẩm nhiều kỳ và gắn liền với mã số ISSN của nó.

[ISO 3297:2007]

2.9

Khổ ngang (landscape)

Định hướng một trang với cạnh dài hơn chạy theo chiều ngang khi nó ở vị trí đọc.

2.10**Xêri bản đồ (map series)**

Số tờ bản đồ có liên quan được thiết kế để tạo thành một nhóm duy nhất, thông thường có thể phân biệt bằng các đặc điểm chung như nhan đề tập hợp, hệ thống đánh số tờ và tỷ lệ giống nhau

CHÚ THÍCH: Thông thường xêri bản đồ là tác phẩm của một cơ quan lập bản đồ.

2.11**Khổ dọc bản đồ (map height)**

Số đo chiều dọc của bản đồ khi bản đồ ở vị trí đọc.

2.12**Định danh xêri bản đồ (map series designation)**

Nhận dạng số hoặc chữ số được mã hóa áp dụng cho một tờ bản đồ, một xêri bản đồ hoặc một tập bản đồ bởi nhà xuất bản.

2.13**Chuyên khảo (monograph)**

Ấn phẩm ở dạng in hoặc không in, tự nó đã hoàn chỉnh hoặc dự định sẽ hoàn chỉnh trong một số hữu hạn các phần.

2.14**Đường phân lề (neat line)**

Đường phân cách thân bản đồ với lề bản đồ

2.15**Tham chiếu (reference)**

Dữ liệu mô tả một nguồn tin hoặc một phần của nguồn tin, đủ chính xác và chi tiết để xác định nguồn tin và cho phép được định vị.

CHÚ THÍCH: Một tham chiếu có thể là: phần của một danh sách các nguồn tin, tiêu đề của một bài tóm tắt hoặc bài tổng quan đánh giá quan trọng; chú thích cho văn bản, hoặc cuối trang, hoặc ở cuối của văn bản hoặc thông tin được chèn vào văn bản.

2.16**Xuất bản phẩm nhiều kỳ (serial)**

Xuất bản phẩm dạng in hoặc không in, được phát hành thành các phần kế tiếp, thường có định danh số hoặc thời gian, và dự định sẽ được tiếp tục vô thời hạn, bất kể định kỳ thế nào.

CHÚ THÍCH: Xuất bản phẩm nhiều kỳ có thể bao gồm xuất bản phẩm định kỳ, tạp chí, báo, niên giám, v.v...

2.17**Tùng thư (series)**

Nhóm các chuyên khảo, xuất bản phẩm nhiều kỳ hoặc các xuất bản phẩm khác chia sẻ một nhan đề chung, và có thể được đánh số.

3 Nguyên tắc cơ bản để tạo ra tham chiếu

3.1 Các thông tin bao gồm trong tham chiếu phải đủ để xác định rõ tài liệu được trích dẫn.

3.2 Người tạo lập tham chiếu nên xác định mức độ chuyên sâu phù hợp mà tại đó tham chiếu được thực hiện (ví dụ: toàn bộ tài liệu hoặc một phần cụ thể của tài liệu) dựa trên mục đích trích dẫn và việc sử dụng tài liệu được trích dẫn.

3.3 Bất cứ khi nào có thể, dữ liệu bao gồm trong một tham chiếu phải lấy từ các nguồn tin được trích dẫn.

3.4 Dữ liệu được ghi trong tham chiếu cần phản ánh bản hoặc hiện dạng cụ thể của tài liệu được sử dụng. Đối với các tài liệu trực tuyến mà tiêu đề có thể thay đổi, dữ liệu này bao gồm vị trí mạng của phiên bản cụ thể được sử dụng và ngày tháng tài liệu được truy cập.

3.5 Kiểu, định dạng và hệ thống dấu ngắt câu thống nhất phải được sử dụng cho tất cả các tham chiếu trong một tài liệu, bất kể hướng dẫn về kiểu đặc biệt nào được sử dụng.

4 Các yếu tố của một tham chiếu

4.1 Nguồn dữ liệu

4.1.1 Yêu cầu chung

Nếu có thể, các dữ liệu được sử dụng trong tham chiếu phải được lấy từ chính nguồn tin được trích dẫn. Nguồn dữ liệu có thể đọc bằng mắt nên ưu tiên hơn bất kỳ nguồn nào khác. Nếu có thể, các văn bản đọc máy, các nguồn vi hình hoặc nghe nhìn nên được xem xét để xác minh các yếu tố của tham chiếu. Dữ liệu được lấy từ một nguồn khác ngoài bản thân tài liệu đó nên được ghi trong ngoặc vuông.

Nguồn dữ liệu phù hợp cho tham chiếu, theo thứ tự ưu tiên, như sau:

- a) Trang nhan đề hoặc tương đương, chẳng hạn như màn hình nhan đề, trang chủ, nhãn đĩa, mặt bản đồ;
- b) Mặt sau trang nhan đề, tiêu đề, v.v...;
- c) Bìa hoặc nhãn gắn vĩnh viễn với tài liệu đó, bao gồm cả các lời thuyết minh trên các tác phẩm đồ họa, tiêu đề vi phim, v.v...;
- d) Hộp đựng;
- e) Tài liệu kèm theo, ví dụ: tờ rơi giải thích hoặc hướng dẫn sử dụng.

Nếu bất kỳ yếu tố dữ liệu nào xuất hiện trong các hình thức khác nhau ở những nơi khác nhau trên tài liệu, các hình thức xuất hiện nổi bật nhất trong nguồn cần được ưu tiên sử dụng, trừ khi nguồn đó rõ ràng là không chính xác, ví dụ như nhãn hiệu không chính xác được đính kèm.

4.1.2 Dữ liệu được cung cấp từ các nguồn khác

Bất kỳ thông tin nào không xuất hiện trong các nguồn tin được trích dẫn, nhưng được cung cấp bởi người trích dẫn, nên được đặt trong dấu ngoặc vuông.

4.2 Chuyển tự

Bất kỳ yếu tố nào trong một bảng chữ cái phi Latinh có thể được chuyển tự hoặc Latinh hóa theo tiêu chuẩn thích hợp.

4.3 Viết tắt

Các thuật ngữ thư mục được chấp nhận chung nên được viết tắt phù hợp với các quy tắc thiết lập trong ISO 832.

Các tên viết tắt khác nên tránh, trừ trường hợp quy định trong 5.3.4 cho sáng chế, trong 6.3.4 cho nhan đề từng thư, trong 15.7.1 cho tác phẩm đồ họa và trong A.4.2 cho chú thích chạy.

4.4 Dấu ngắt câu và kiểu chữ

Một hệ thống nhất quán của dấu ngắt câu và kiểu chữ phải được sử dụng trong toàn bộ danh sách tham chiếu. Mỗi yếu tố của tham chiếu nên được tách biệt rõ ràng với các yếu tố tiếp theo bởi dấu ngắt câu hoặc kiểu chữ thay đổi.

CHÚ THÍCH: Để nhấn mạnh tầm quan trọng của tính nhất quán, một sơ đồ dấu chấm câu thống nhất được sử dụng trong các ví dụ của tiêu chuẩn này. Sơ đồ này chỉ là minh họa và không tạo thành một phần của khuyến nghị.

4.5 Thứ tự các yếu tố

Thứ tự thông thường của các yếu tố trong một tham chiếu như sau:

- a) Tên người tạo lập, nếu có;
- b) Nhan đề;
- c) Định danh vật mang tin, nếu cần;
- d) Lần xuất bản;
- e) Thông tin sản xuất (nơi xuất bản và nhà xuất bản);
- f) Ngày tháng [trong hệ thống tên và ngày tháng (xem Phụ lục A), năm thường không được lặp lại ở vị trí này trừ khi ngày tháng đầy đủ là cần thiết (ví dụ như đối với một xuất bản phẩm nhiều kỳ)];
- g) Nhan đề từng thư, nếu có;
- h) Cách đánh số trong tài liệu;
- i) Số nhận dạng chuẩn, nếu áp dụng;
- j) Thông tin về điều kiện thu thập, truy cập hoặc địa điểm;
- k) Thông tin chung bổ sung.

TCVN 10256:2013

Nếu hệ thống tên và ngày tháng, thường được gọi là hệ thống Harvard (xem Phụ lục A), đang được áp dụng, yếu tố năm được đưa vào sau tác giả.

VÍ DỤ CRANE, D., 1972. *Invisible Colleges*. Chicago: University of Chicago Press.

Phụ lục B minh họa việc ứng dụng của khuyến nghị này trong những trường hợp cụ thể liên quan đến ấn phẩm nhiều kỳ, chuyên khảo, bài đóng góp và các loại nguồn tin đặc biệt.

5 Người tạo lập

5.1 Lựa chọn

Các cá nhân (xem 5.2) hoặc tổ chức (xem 5.3) thể hiện nổi bật nhất trong nguồn tin ưu tiên (xem 4.1) chịu trách nhiệm về nội dung của tài liệu được trích dẫn, trong hình thức xuất bản của nó, phải được xem là người tạo lập. Vai trò của người tạo lập là khác nhau từ loại nguồn tin này đến loại nguồn tin khác. Nếu không có người tạo lập cụ thể, một người sẽ được lựa chọn từ các vai trò sau đây liệt kê theo thứ tự ưu tiên:

- a) Tác giả, nhà soạn nhạc, người viết lời nhạc kịch, cơ quan lập bản đồ, người lập bản đồ, người trắc địa, người vẽ bản đồ, người sao chép, người thiết kế hệ thống phần mềm, người được cấp sáng chế, người nộp đơn sáng chế, nghệ sĩ, nhiếp ảnh gia, người vẽ đồ án, người thiết kế đồ họa;
- b) Người chỉ huy, người biểu diễn âm nhạc, người biểu diễn kịch, v.v..., giám đốc các bộ phim, người sáng chế;
- c) Người biên soạn, người biên tập, người hiệu đính;
- d) Người dịch, người điêu khắc, nhiếp ảnh gia của tác phẩm của người tạo lập khác, người sao chép, người cải biên, người lập trình phần mềm;
- e) Nhà xuất bản, nhà cung cấp thông tin trực tuyến, công ty sản xuất;
- f) Nhà phân phối, máy chủ trực tuyến.

Đối với các nguồn tin được trích dẫn có nhiều người tham gia đóng góp, vai trò được gắn kết chỉ với một người tham gia cần được ưu tiên hơn bất kỳ vai trò chung nào của một số người tạo lập tham gia (Xem thêm 5.4.3).

VÍ DỤ 1 AYMARD, Maurice, ed. *Dutch capitalism and world capitalism*. In: *Studies in Modern Capitalism*. New York: Cambridge University Press, 1982, pp. 78-96.

VÍ DỤ 2 BRITTEN, Benjamin. *Eight folk song arrangements for high voice and harp*. Osian ELLIS (Ed). London: Faber Music, 1980.

VÍ DỤ 3 KING'S SINGERS. *Christmas with the King's Singers: six arrangements for mixed voices*. London: Chappell Music, 1981.

5.2 Tên cá nhân

5.2.1 Tổng quát

Tên người tạo lập thường được đưa ra dưới hình thức mà chúng xuất hiện trong nguồn được ưu tiên (xem 5.2.2), được chuyển tự nếu cần thiết (xem 4.2).

Tên hoặc các yếu tố thứ cấp khác cần để sau họ, nếu ở vị trí bắt đầu của tham chiếu.

VÍ DỤ 1 BACH, C.P.E.

VÍ DỤ 2 DÜRER, Albrecht.

VÍ DỤ 3 Fowler, H.W.

VÍ DỤ 4 GORDON, Dexter.

VÍ DỤ 5 RAMON Y Cajal, Santiago.

Xử lý các yếu tố thứ cấp phải theo thực tiễn quốc gia của người tạo lập càng chặt chẽ càng tốt.

VÍ DỤ 6 FALLA, Manuel de. [Tây Ban Nha].

VÍ DỤ 7 LA FONTAINE, Jean de. [Pháp].

VÍ DỤ 8 DE LA MARE, Walter. [Tiếng Anh].

VÍ DỤ 9 KLEIST, Heinrich von. [Đức].

5.2.2 Hình thức khác của tên

Nếu tên của một người tạo lập xuất hiện dưới các hình thức khác nhau trong các nguồn tin khác nhau được trích dẫn trong một tác phẩm (ví dụ như Tchaikovsky, Chaikovski), hình thức được sử dụng trong nguồn tin trích dẫn cần được giữ lại. Chỉ một hình thức tên, trong dấu ngoặc vuông nếu cần thiết, sẽ xuất hiện như là yếu tố đầu tiên.

5.2.3 Thông tin bổ sung

Thông tin bổ sung cho tên cho biết cấp bậc, chức vụ hoặc địa vị xã hội (học vấn, nghề nghiệp, v.v...) có thể được giữ lại hoặc được cung cấp để phân biệt các người tạo lập có cùng tên.

VÍ DỤ 1 CLARK, William, ARIBA.

VÍ DỤ 2 CLARK, William, MD, MRCP.

VÍ DỤ 3 BALFOUR, Robert [Đại tá].

VÍ DỤ 4 BALFOUR, Robert [Rev.]

5.3 Tổ chức hoặc nhóm

5.3.1 Hình thức tên

Nếu người tạo lập là một tổ chức hoặc một nhóm người, hình thức tên được sử dụng trong các tham chiếu phải là tên xuất hiện trong cơ sở dữ liệu thư mục được sử dụng để làm tham chiếu, thường là một tham chiếu đến tên trong tệp tiêu đề chuẩn quốc gia, được chuyển tự nếu cần (xem 4.2).

VÍ DỤ 1 ACADEMIA SCIENTIARUM FENNICA.

VÍ DỤ 2 ACADEMIE FRANÇAISE.

VÍ DỤ 3 AKADEMIYA NAUK SSSR.

VÍ DỤ 4 INSTITUT GÉOGRAPHIQUE NATIONAL.

TCVN 10256:2013

VÍ DỤ 5 MAGYAR SZABVANYUGYI.

VÍ DỤ 6 ROYAL SOCIETY.

Nếu tên xuất hiện như là một nhóm các chữ viết tắt, hình thức đầy đủ, nếu biết, có thể được bổ sung trong dấu ngoặc đơn, trừ khi cơ quan này thường được xác định bởi các chữ cái đầu, ví dụ: UNESCO, NATO.

5.3.2 Tên chưa rõ nghĩa

Để phân biệt giữa các cơ quan khác nhau với cùng tên, tên địa điểm thích hợp cần được bổ sung.

VÍ DỤ TRINITY COLLEGE [Cambridge].

 TRINITY COLLEGE [Dublin].

5.3.3 Cơ quan trực thuộc

Nếu tên của một tổ chức trực thuộc cơ quan chủ quản mà nó là một cơ quan hoặc đơn vị hành chính, hoặc nếu tên đầy đủ của tổ chức đó phụ thuộc vào tên của cơ quan chủ quản, thì tên của cơ quan chủ quản cần được đưa ra đầu tiên khi tham chiếu.

VÍ DỤ 1 IMPERIAL CHEMICAL INDUSTRIES. Paints Division.(Công ty Hóa chất. Bộ phận sơn)

VÍ DỤ 2 MINISTRY OF PETROLEUM AND MINERAL RESOURCES. Air Survey Department. (Bộ Tài nguyên Dầu mỏ và Khoáng sản. Cục trắc địa Hàng không)

Một cơ quan trực thuộc sẽ xuất hiện dưới tên riêng của mình nếu nó có chức năng cụ thể riêng và ý nghĩa đầy đủ tên gọi của nó độc lập với tên của cơ quan chủ quản.

VÍ DỤ 3 ACADEMIE FRANÇAISE. [not INSTITUT DE FRANCE. Académie française].

 (VIỆN HÀN LÂM PHÁP. [Không phải VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁP. Viện Hàn lâm Pháp]).

VÍ DỤ 4 WORLD HEALTH ORGANIZATION. [not UNITED NATIONS. World Health Organization].

 (TỔ CHỨC Y TẾ THẾ GIỚI. [Không phải LIÊN HIỆP QUỐC. Tổ chức Y tế Thế giới]).

5.3.4 Cơ quan chủ quản

Nếu cơ quan chủ quản là cơ quan có thẩm quyền cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hoặc địa phương, tên sử dụng chung cần được ưu tiên so với tên chính thức đầy đủ hoặc chính xác. Tên nước ngoài có thể được đưa ra bằng ngôn ngữ của nguồn tin này hoặc bằng ngôn ngữ của đối tượng mục tiêu chính.

VÍ DỤ 1 FRANCE. [Cộng hòa Pháp].

VÍ DỤ 2 HULL. [Kingston-upon-Hull].

VÍ DỤ 3 WESTMINSTER. [Thành phố Westminster.]

Với sáng chế (xem 15.9), nước xuất xứ hoặc trụ sở chính có thể được viết tắt theo TCVN 7217 (ISO 3166) Mã nước hoặc Mã ST3 của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO).

VÍ DỤ 4 GB. [Vương quốc Anh].

5.4 Nhiều người tạo lập

5.4.1 Hai hoặc ba người tạo lập

Nếu có hai hoặc ba người tạo lập có vị thế bình đẳng, tên của họ sẽ được đưa vào tham chiếu. Tên được đưa ra đầu tiên phải ở hình thức phù hợp với sự sắp xếp theo thứ tự chữ cái của danh sách, tức là thường theo thứ tự đảo (họ ghi trước). Tên của người tạo lập thứ hai trở đi có thể được ghi theo trật tự thuận, nếu muốn. Một hệ thống ghi tên nhất quán như vậy được sử dụng trong toàn bộ danh sách các tham chiếu.

VÍ DỤ 1 MURET, Pierre and Philippe SAGNAC.

VÍ DỤ 2 Bundesanstalt für Bodenforschung and UNESCO.

VÍ DỤ 3 QU H.Q., C. POLYCHRONAKOS, and TYPE I DIABETES GENETICS CONSORTIUM.

5.4.2 Từ bốn người tạo lập trở lên

Đối với công trình có từ bốn tác giả trở lên, tất cả các tên được đưa ra nếu có thể. Nếu bất kỳ tên nào được bỏ qua, tên của tác giả đầu tiên được đưa ra trước cụm từ "and others" hoặc "et al." ("và những người khác").

VÍ DỤ FITTING, Hans and others.

5.4.3 Nhan đề đứng đầu

Đối với một số loại nguồn tin (ví dụ bách khoa thư) hoặc nếu một tài liệu là sản phẩm hợp tác của nhiều cá nhân, không ai trong họ có vai trò chủ đạo là người tạo lập (ví dụ: phim), nhan đề nên được sử dụng thay cho người tạo lập. Đối với các tham chiếu cho các nguồn tin với nhiều người tạo lập, có thể thích hợp để đưa nhan đề hoặc nhan đề từng thư đầu tiên (xem 5.1). (Xem thêm 5.6 và 15.6.1.)

VÍ DỤ 1 Encyclopaedia Britannica.

VÍ DỤ 2 The last command [silent film]. Directed by Josef VON STERNBERG

VÍ DỤ 3 60 years of cool. Blue Note Records OBSBN01, 1999

5.4.4 Hội nghị

Nếu không có cá nhân hoặc tổ chức có thể được xác định là người tạo lập (xem 5.1) kỹ yếu của một hội nghị, thì tên hội nghị phải được coi là yếu tố đầu tiên.

VÍ DỤ *International Conference on Scientific information*. Washington DC, 1958. (Hội nghị quốc tế về thông tin khoa học. Washington DC, 1958.)

Kỹ yếu có đánh số của một xêri hội nghị phải được coi là một xuất bản phẩm nhiều kỳ.

5.4.5 Người tạo lập bổ sung

Để thuận tiện cho việc xác định một nguồn tin cụ thể, hoặc do liên quan đến mục đích của trích dẫn, tên của bất kỳ người biên tập, người dịch hay những người khác đã cộng tác trong việc sản

TCVN 10256:2013

xuất nguồn tin, có thể được thêm vào sau nhan đề với một chỉ thị về vai trò, đặt trong tham chiếu sao cho mối quan hệ giữa vai trò đó và toàn bộ hoặc một phần của nguồn tin được rõ ràng.

VÍ DỤ 1 BAARD, H.P. *Frans Hals*. Translated from the Dutch by George STUYCK

VÍ DỤ 2 BACH, C.P.E. *Sonate G-moll für Violine und obligates Cembalo*. Herausgegeben von Anne Marlene GURGEL.

VÍ DỤ 3 FOWLER, H.W. *A dictionary of modern English usage*. 2nd ed. Revised by Sir Ernest GOWERS.

VÍ DỤ 4 *Macbeth* [film] Directed by Orson WELLES.

5.4.6 Người tạo lập gốc của nhiều ấn bản

Nếu một ấn bản mới, phiên bản rút gọn hoặc cập nhật của một nguồn tin được sản xuất bởi một người tạo lập mới, tên của người tạo lập đầu tiên phải được sử dụng nếu nó xuất hiện như một người tạo lập trong nguồn tin ưu tiên.

VÍ DỤ 1 PARKER, T.J., and W.A. HASWELL. *A text book of zoology*. 6th ed. Vol. 1 revised by Otto LOWENSTEIN vol. 2 revised by C. Forster-COOPER. London: Macmillan, 1940.

VÍ DỤ 2 GORDON, Dexter. *Settin' the pace*. In: *Long Tall Dexter, the Savoy Sessions* [sound disc]. New York: Savoy, 1976, SIL 2211, side B, track 5. Distributed by Arista Records Inc., 1776 Broadway, New York, NY 10019. Originally released on Savoy, MG 9003, 1947.

5.5 Bút danh

Nếu một tác phẩm đã được phát hành dưới một tên giả, thông thường chỉ tên này được đưa ra trong tham chiếu.

VÍ DỤ 1 CARROLL, Lewis.

VÍ DỤ 2 MAUROIS, André.

Nếu biết tên thật của tác giả, nó cũng có thể được đưa sau cụm "pseud. of" ("Bút danh của").

VÍ DỤ 3 BLAKE, Nicholas [pseud. of Cecil Day LEWIS].

VÍ DỤ 4 Æ [pseud. of RUSSELL, George William].

5.6 Tác phẩm khuyết danh

Đối với tác phẩm khuyết danh được trích dẫn bởi hệ thống tên và ngày tháng (xem A.2), "Anon" ("khuyết danh") có thể được sử dụng thay cho tên người tạo lập. Đối với tác phẩm khuyết danh được trích dẫn bởi hệ thống số (xem A.3) hoặc chú thích chạy (xem A.4), nhan đề có thể được coi là yếu tố đầu tiên. Có thể cung cấp tên người tạo lập, nếu biết.

6 Nhan đề

6.1 Hình thức của nhan đề

6.1.1 Hình thức ưu tiên

Cách diễn đạt và viết chính tả của nhan đề nên được đưa ra dưới hình thức mà nó xuất hiện trong nguồn ưu tiên (xem 4.1).

6.1.2 Hình thức lựa chọn

Nếu các hình thức lựa chọn của nhan đề được đưa ra trong nguồn ưu tiên, nhan đề nổi bật nhất phải được sử dụng. Nếu nhiều hình thức được đưa ra nổi bật như nhau, hình thức được sử dụng phải là một trong những loại sau đây, được liệt kê theo thứ tự ưu tiên:

- a) nhan đề bằng ngôn ngữ và chữ viết chính được sử dụng trong các nguồn tin được trích dẫn;
- b) nhan đề nổi bật bởi thứ tự hoặc hình thức trình bày;
- c) nhan đề bằng ngôn ngữ của đối tượng mục tiêu chính;
- d) với tài liệu bản đồ [ưu tiên cho a) hoặc b)]:
 - 1) nhan đề được in đè,
 - 2) nhan đề trong panen nhan đề,
 - 3) nhan đề trong lưới bản đồ hoặc ranh giới khác bao quanh các chi tiết của bản đồ,
 - 4) nhan đề ở nơi khác;
- e) với tác phẩm đồ họa:
 - 1) nhan đề tạo thành một phần của thiết kế ban đầu,
 - 2) nhan đề viết tay trên nguồn tin, hoặc mô tả của người quản lý,
 - 3) nhan đề phổ biến hoặc truyền thống, ví dụ: Mona Lisa;
- f) các hình thức khác của nhan đề.

VÍ DỤ Eric, or Little by little: a tale of Roslyn School.

6.1.3 Nhan đề khác

Nếu tài liệu trích dẫn được biết rộng rãi, hoặc đã được phát hành ban đầu dưới một nhan đề khác với nhan đề của nguồn tin ưu tiên, nhan đề lựa chọn cũng có thể được đưa ra, trong dấu ngoặc vuông nếu cần.

VÍ DỤ 1 CENTRAL ADVISORY COUNCIL FOR EDUCATION (ENGLAND). Children and their primary schools [Plowden Report].

VÍ DỤ 2 Cutter's Way [Cutter and Bone] [film].

VÍ DỤ 3 GREAT BRITAIN. House of Commons. Official Report. Parliamentary debates [Hansard].

6.1.4 Nhan đề dài

Một nhan đề dài bất tiện có thể được rút ngắn bằng cách bỏ đi một số từ, nhưng những từ đứng đầu, không phải là mạo từ xác định hoặc bất định, không được bỏ qua, và cũng không được thay đổi ý nghĩa. Các từ được bỏ qua, ngoại trừ các mạo từ được bỏ đi, nên được thay thế bằng ba dấu chấm (để viết tắt nhan đề của xuất bản phẩm định kỳ, xem 6.3.4).

TCVN 10256:2013

VÍ DỤ:

Trên nguồn: Map of the countries lying between Turkey and Birmah, comprising Asia Minor, Persia, India, Egypt and Arabia and including the Black, Caspian and Red Seas.

Tham chiếu: Map of the countries lying between Turkey and Birmah...

6.1.5 Phụ đề

Phụ đề nên được bao gồm nếu chúng cung cấp thông tin cần thiết về nội dung của nguồn tin (Xem thêm 6.1.6), nếu không chúng có thể được bỏ qua.

VÍ DỤ 1 Etheldreda's Isle: a pictorial map of the Isle of Ely to commemorate the 1300th anniversary of the founding of Ely's conventual church.

VÍ DỤ 2 Eric, or Little by little: a tale of Roslyn School.

6.1.6 Nhan đề không rõ ràng hoặc không chính xác

Thông tin làm sáng tỏ một nhan đề mơ hồ hoặc không nêu rõ nội dung của nguồn tin có thể được cung cấp trong ngoặc vuông sau nhan đề. Nếu một nhan đề chứa từ viết tắt khó hiểu, hình thức đầy đủ, nếu biết, có thể cung cấp.

VÍ DỤ 1 Statistical digest of the war. [1939–1945].

VÍ DỤ 2 Two trio sonatas for two violins and basso continuo. [Op.5 no. 4, 5].

Đối với tài liệu bản đồ, chủ đề đặc biệt và phạm vi bao quát cần được cung cấp nếu không được đưa ra trong nhan đề. Tên khu vực địa lý được cung cấp là tên được sử dụng vào năm xuất bản, chứ không phải là một tên mới tương đương.

VÍ DỤ 3 National topographic map series. 1:100,000. [Queensland index map].

VÍ DỤ 4 Gull's eye view [of Hugh Town, St Mary's, Scilly Isles].

6.1.7 Không có nhan đề

Nếu không có nhan đề rõ ràng trong tài liệu trích dẫn, một nhan đề phổ biến hoặc truyền thống có thể được đưa ra, nếu có nhan đề đó. Nếu không, nhan đề phải được cung cấp trong ngoặc vuông, đưa ra các thông tin sau:

- Nội dung chủ đề đặc biệt;
- Bản chất của tài liệu (ví dụ: cuốn sách nhỏ, bản đồ, sơ đồ, bản vẽ, bản chỉ mục, bản khắc, bức ảnh) và nếu áp dụng, tên của đối tượng được mô tả (ví dụ: người, công trình xây dựng, địa điểm, v.v...);
- Đối với tài liệu bản đồ đơn lẻ (ví dụ: tập bản đồ, tờ bản đồ), phạm vi bao quát.

VÍ DỤ 1 [Wildlife sanctuaries of Trinidad].

VÍ DỤ 2 Untitled [Judo fighters] [photograph]. In: Starkey, Hannah. Moments in the modern world: photographic works by Hannah Starkey 1997–2000. Irish Museum of Modern Art, 2000. ISBN 1-873654-90-1.

Đối với xêri bản đồ như là một chỉnh thể, định danh tỷ lệ và xêri cũng cần được cung cấp, nếu cần để phân biệt xêri này với các xêri khác cùng phạm vi.

VÍ DỤ 3 [Western Australia forestry series. 1:63,360].

VÍ DỤ 4 [Hong Kong. 1:1,000. Series HP1C].

Đối với các tác phẩm đồ họa, đối tượng chủ đề và quá trình in cần được cung cấp.

VÍ DỤ 5 PELHAM, Henry, del. [Quin Abbey, Co. Clare. General view] [engraving].

6.2 Dịch nhan đề

Nhan đề gốc của một nguồn tin dịch, hoặc lời dịch nhan đề, có thể được cung cấp ngay sau nhan đề gốc.

VÍ DỤ 1 The Artamonovs [Delo Artamonvykh].

VÍ DỤ 2 Delo Artamonovykh [The Artamonovs].

6.3 Nhan đề xuất bản phẩm nhiều kỳ

6.3.1 Dấu hạn định cho nhan đề

Nếu nhan đề của một xuất bản phẩm nhiều kỳ được phát hành bởi một hội hoặc một tổ chức tương tự mà bản thân nó không đủ để xác định xuất bản phẩm, tên của tổ chức cần được thêm vào.

VÍ DỤ 1 Bulletin trimestriel. Institut archéologique du Luxembourg.

Các xuất bản phẩm nhiều kỳ có cùng nhan đề nên được phân biệt với nhau bằng cách bổ sung nơi xuất bản.

VÍ DỤ 2 Natura (Amsterdam).

Natura (Bucharest).

6.3.2 Nhan đề khóa

Nhan đề khóa (xem ISO 3297), nếu có, có thể được đưa ra thay cho hình thức xuất hiện trong nguồn tin ưu tiên (xem 4.1). Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho xuất bản phẩm nhiều kỳ (ISSN) (Xem điều 12) bao gồm.

VÍ DỤ 1 Geological Magazine. ISSN 0016-7568

VÍ DỤ 2 Journal of Technological Education [online]. ISSN 1045-1064.

6.3.3 Nhan đề trước hoặc sau

Các nhan đề trước đây hoặc sau này của xuất bản phẩm nhiều kỳ có thể được đưa ra, với năm khi nhan đề này được sử dụng.

VÍ DỤ British Journal of Physical Education. 1970.

Journal of Physical Education. 1945–1954.

Physical Education. 1955–1959.

6.3.4 Nhan đề viết tắt

Nhan đề xuất bản phẩm định kỳ mà nhan đề khóa không có sẵn có thể được viết tắt theo quy định của ISO 4. Nếu nhan đề chưa rõ ràng/mơ hồ, nhan đề nên được ghi đầy đủ.

6.4 Phân biệt giữa nhan đề phần cấu thành và nhan đề tài liệu chủ

Nếu tài liệu trích dẫn là một phần cấu thành, nhan đề của nó được phân biệt về mặt in ấn với nhan đề của tài liệu chủ. Đối với ấn phẩm chuyên khảo, sử dụng từ "Trong:" ("In:") đứng trước nhan đề của tài liệu chủ. Việc sử dụng kết nối "Trong:" ("In:") không cần thiết đối với các trích dẫn là bài tạp chí và là tùy chọn đối với các loại xuất bản phẩm nhiều kỳ khác.

VÍ DỤ 1 Belle de Jour. In: Magill's Survey of cinema [online]. Pasadena [CA]: Salem Press, 1985– [viewed 1994-08-04]. Accession number 0050053. Available from: Dialog Information Services, Palo Alto [CA].

VÍ DỤ 2 BRY, I., and L. AFFLERBACH. In search of an organizing principle for behavioural science literature. Community Mental Health Journal. 1968, 4(1), pp. 75-84. ISSN 0010-3853.

VÍ DỤ 3 CLARK, Carol. On the threshold of a brave new world. In: Blueprint of the body [online]. CNN.com, 2000 [viewed 24 August 2000; 10:25 EST]. In-depth specials. Available from: <http://www.cnn.com/SPECIALS/2000/genome/story/overview/>

VÍ DỤ 4 McCONNELL, W. H. Constitutional history. In: The Canadian encyclopaedia [CD-ROM]. Macintosh version 1.1. Toronto: McClelland & Stewart, ©1993. ISBN 0-7710-1932-7.

VÍ DỤ 5 MICHAEL, D. The effect of local deformations on the elastic interaction of cross walls coupled by beams. In: COULL, E.A. and B. STAFFORD-SMITH. Tall buildings. Oxford: Pergamon Press, 1967.

Trong các ngôn ngữ khác, một kết nối khác "In" có thể được sử dụng, Ví DỤ: sử dụng "Julkaisussa" trong tiếng Phần Lan.

VÍ DỤ 6 SUHONEN, Pertti. Suomalaiset arvot ja politiikka. Julkaisussa: Aikamerkki. 1989, 62(1), 2-23.

6.5 Hội nghị

Nếu các hội nghị thường xuyên được tổ chức với cùng một nhan đề, có thể cần thêm ngày tháng và địa điểm hội nghị cho rõ ràng.

7 Định danh vật mang tin

Nếu cần thiết, thông tin về bản chất của nguồn tin và/hoặc hình thức thể hiện được để trong ngoặc vuông. Xem thêm 15.2.2 về định danh vật mang cho các nguồn tin điện tử.

VÍ DỤ

[Chữ nổi]

[phim chiếu rạp (35 mm)]

[cuộn băng máy tính]

[CD]

[DVD]

[đĩa Blu-ray]

[băng phim (35 mm)]

[quả cầu]

[bản đồ]

[vi phim (48x)]

[cuộn vi phim (16 mm âm bản)]

[ảnh]

[bản tổng phổ]

[tấm phim đèn chiếu (2 inch)]

[đĩa ghi âm (45 vòng quay/1 phút)]

[băng video (VHS PAL)]

[biểu đồ tường]

8 Lần xuất bản

8.1 Lần xuất bản khác nhau

Lần xuất bản cần được đặc tả bằng các thuật ngữ bao gồm các ký hiệu, được sử dụng trong nguồn tin ưu tiên.

VÍ DỤ 1 Xuất bản lần thứ ba, có sửa đổi

VÍ DỤ 2 Phiên bản mở rộng mới

Nếu các lần xuất bản khác nhau của một tạp chí được xuất bản ở các nước khác nhau, ví dụ: Canada và Hoa Kỳ, nước xuất bản phải đưa ra sau nhan đề.

8.2 Phiên bản cập nhật

Đối với các tài liệu có khả năng được cập nhật, thay đổi hoặc bị phá hủy, toàn bộ hoặc một phần, tham chiếu cần làm rõ ràng phiên bản nào được trích dẫn bằng cách đưa ra số lượng phát hành, cập nhật hoặc tương đương, và năm, với, nếu cần thiết, tháng, ngày và thời gian (xem 9.3.3), khi phiên bản đó được tạo ra hoặc thông tin thu được.

VÍ DỤ 1 PARALOG AB. 3RIP® [program]. Version 4.0. Stockholm: Paralog, 1981.

VÍ DỤ 2 Financial Times Commodity Reports. Prestel®, page 248310, 1983-06-09 [consulted 1999-04-12, 13:57].

VÍ DỤ 3 Mac OS X Update 10.4.7 Intel [software]. 27 June 2006.

Về việc sử dụng dấu “®”, xem 14.6.

Để rõ ràng, cả ngày tháng xuất bản ban đầu và ngày tháng cập nhật cần được đưa vào.

VÍ DỤ 4 International DOI Foundation. DOI Handbook [online]. ©2006. Updated 19 September 2007 [viewed 20 May 2008]. Available from: <http://www.doi.org/hb.html>

9 Sản xuất

9.1 Nơi sản xuất

9.1.1 Yêu cầu chung

Nơi sản xuất nên được đưa như nó xuất hiện nổi bật nhất trong nguồn tin ưu tiên. Nếu nơi này được biết nhưng không được đề cập trong nguồn tin ưu tiên, nó có thể được đưa trong ngoặc vuông.

Đối với các địa điểm nổi tiếng lớn hơn, có thể chỉ cần đưa tên địa điểm. Đối với những địa điểm nhỏ hơn, dấu hạn định nên được thêm vào (ví dụ: hạt, bộ, bang, tỉnh, quốc gia) cho tên địa điểm.

VÍ DỤ 1 London.

VÍ DỤ 2 London (Ontario).

Tên của các nước, tỉnh, v.v..., có thể được mã hóa theo TCVN 7217-1(ISO 3166-1) và TCVN 7217-2 (ISO 3166-2).

9.1.2 Nhiều địa điểm

Nếu hai hoặc nhiều địa danh xuất hiện nổi bật như nhau kết hợp với một nhà xuất bản, nhà phân phối, nhà sản xuất, v.v..., chỉ cần đưa ra tên địa điểm đầu tiên.

9.2 Nhà xuất bản hoặc đối tượng tương tự

9.2.1 Yêu cầu chung

Tổ chức hoặc cá nhân được đưa nổi bật nhất trong nguồn ưu tiên (xem 4.1) có trách nhiệm về việc sản xuất tài liệu trích dẫn cần được đưa vào như là nhà xuất bản.

VÍ DỤ DIALOG INFORMATION SERVICES. Enhancements to the DIALOG Search System: DIALOG version 2 (user manual update). Palo Alto [California]: DIALOG, 1985 Nov. Technical Memo 5.

Các tổ chức hoặc cá nhân có trách nhiệm có thể được mô tả khác nhau trong các loại tài liệu khác nhau. Thứ tự ưu tiên là:

- a) Nhà xuất bản hoặc công ty sản xuất;
- b) Nhà phân phối hoặc cơ quan phát hành;
- c) Nhà in hoặc nhà sản xuất;
- d) Cơ quan tài trợ.

Tên nhà xuất bản có thể được viết tắt bằng cách bỏ đi các chi tiết không cần thiết để nhận dạng.

9.2.2 Nhiều nhà xuất bản

Nếu tên của từ hai tổ chức trở lên xuất hiện nổi bật như nhau trong cùng một vai trò, chỉ tổ chức đầu tiên được đưa ra.

9.2.3 Nhà tài trợ, nhà phân phối

Nếu phù hợp, tên của cơ quan tài trợ hoặc nhà phân phối có thể cũng được đưa như là nhà xuất bản.

VÍ DỤ 1 Chichester: Phillimore, for the Society of Genealogists.

VÍ DỤ 2 Paramount Pictures 1928. London: distributed in the UK by Universal International Pictures (UK).

VÍ DỤ 3 Distributed by Arista Records Inc., 1776 Broadway, New York, NY 10019. Originally released on Savoy MG 9003, 1947.

9.3 Ngày tháng

9.3.1 Yêu cầu chung

Ngày tháng xuất bản, sản xuất, phân phối, thực hiện, truyền tải, vv, phải được trích dẫn. Thông thường năm là đủ, nhưng đối với một số loại tài liệu (ví dụ: nguồn tin trực tuyến, báo chí, sáng chế, hình ảnh truyền hình và hình ảnh viễn thám), tháng, ngày, và có thể cần cả thời gian.

Đối với các tài liệu nghe nhìn được trích dẫn từ truyền tải chứ không phải là từ tài liệu vật lý, ngày tháng và thời gian truyền và tổ chức truyền nên được đưa vào, nếu không có định danh duy nhất khác của ấn bản cụ thể này.

Nếu ngày tháng bản quyền được trích dẫn (xem 9.3.5), nó phải được đi trước bởi ký hiệu "©" hoặc "cop". Từ tiếng Anh "copyright" "bản quyền" hoặc từ tương đương bằng các ngôn ngữ khác có thể được sử dụng.

9.3.2 Năm

Năm thường được đưa như xuất hiện trong nguồn ưu tiên, tuy nhiên, năm được viết bằng chữ trong nguồn tin cần được đưa bằng chữ số trong tham chiếu.

Nếu các nguồn tin mang ngày tháng từ một hệ thống lịch khác so với thời kỳ Kitô giáo (CE), hệ thống áp dụng được với ngày tháng và tương đương của nó trong hệ thống lịch CE nên được cung cấp trong dấu ngoặc vuông.

VÍ DỤ 1 Lịch người Do Thái 5685 [1925].

Nếu năm được đưa ra trên nguồn tin được biết là không chính xác, cũng cần cung cấp năm chính xác trong ngoặc đơn.

VÍ DỤ 2 1959 [nghĩa là 1995].

9.3.3 Giờ, ngày, tháng

Cần thiết có một ngày chính xác hơn, nó có thể được đưa ra:

a) Bằng chữ số, theo thứ tự năm, tháng, ngày và, giờ, phút, giây, nếu cần (xem ISO 8601);

VÍ DỤ 1 1984-02-10, 13:43:11 (1984/02/10, 13:43:11).

b) Với tháng viết bằng chữ, dạng đầy đủ hoặc viết tắt, và với ngày, tháng, năm và giờ được đưa theo thứ tự trong các nguồn ưu tiên (xem 4.1);

VÍ DỤ 2 Ngày 10 tháng 2 năm 1984

c) Nếu thích hợp, được chỉ ra trong nguồn tin ưu tiên, ví dụ như tên của một mùa hoặc học kỳ của một trường đại học.

TCVN 10256:2013

9.3.4 Không có năm

Nếu năm xuất bản không có nhưng có thể được xác định chắc chắn, nó cần được cung cấp. Nếu không biết năm chính xác, thì năm gần đúng, được theo sau bởi một dấu hỏi hoặc đi trước bởi "khoảng" ("ca".) cần được cung cấp. Nếu không có năm gần đúng có thể thì nên ghi rõ.

VÍ DỤ 1 [ca. 1750].

VÍ DỤ 2 [thế kỷ 16].

VÍ DỤ 3 [không năm xuất bản].

9.3.5 Nhiều ngày tháng

Trong một tham chiếu với bản in lại, bản sao fax hoặc bản sao khác, ngày công bố phiên bản đó, hoặc đối với bản sao, ngày của bản gốc, nên được đưa ra, cùng với ngày in lại hoặc sao.

VÍ DỤ 1796 được sao chép năm 1810.

Nếu ngày trên nguồn tin ưu tiên, ví dụ năm bản quyền, khác với năm công bố, cả hai có thể được đưa ra.

9.3.6 Phạm vi ngày tháng

Trong tham chiếu cho toàn bộ hoặc một thời hạn của bất kỳ tài liệu nào được xuất bản thành các phần trong một giai đoạn nhiều năm, năm xuất bản phần đầu tiên phát hành (không nhất thiết phải là phần đầu tiên về đánh số) và phần cuối cùng phát hành phải được đưa ra, hoặc nếu thời hạn còn đang trong tiến trình xuất bản thì ghi năm của tài liệu đầu tiên, tiếp theo là dấu gạch ngang và khoảng cách. Việc đánh số và số trang (xem điều 10), nếu có, cũng cần được cung cấp.

VÍ DỤ 1 1940 -

VÍ DỤ 2 1978 -, Jahrg. 5 -.

VÍ DỤ 3 1936-1941, Ano 1-6.

VÍ DỤ 4 1970-1973, tập 1-3. Đính bản.

10 Đánh số và đánh số trang

10.1 Tổng quát

Các thành phần của một tài liệu nên được trích dẫn bằng các thuật ngữ được sử dụng trong nguồn tin này, thứ tự tuân thủ quy tắc là lớn đứng trước nhỏ.

VÍ DỤ Đạo luật Bảo vệ dữ liệu 1984. Mục 1, Chương 35, Điều 1, khoản 7.

10.2 Phần trích dẫn

Tham chiếu phải xác định phần tài liệu được trích dẫn. Đối với phần cấu thành, số và định danh của thành phần được xác định riêng biệt nhỏ nhất phải được đưa ra. Xem thêm A.2 đến A.4.

VÍ DỤ 1 tập 6, số 3, trang 25-45.

VÍ DỤ 2 tập 2, phụ bản XXV.

VÍ DỤ 3 phiếu 4, khuôn hình B5.

Trong âm nhạc, nếu yêu cầu tham chiếu tới một nhịp cụ thể, hình thức chính xác nhất của tham chiếu hiện có phải được sử dụng.

Số nhịp không được trích dẫn trừ khi chúng được in trên tổng phổ.

Nếu toàn bộ tài liệu được trích dẫn, khối lượng của nó có thể tùy chọn ghi trong ngoặc vuông.

VÍ DỤ 4 <http://www.eursurveillance.org/ViewArticle.aspx> [7 trang].

10.3 Bỏ qua thuật ngữ

Thuật ngữ "Tập" và các thuật ngữ dùng cho các thành phần nhỏ hơn của một xuất bản phẩm nhiều kỳ có thể được bỏ qua và những con số được phân biệt về mặt in ấn, với số tập in đậm và số phần, nếu cần thiết, đưa vào ngoặc đơn.

VÍ DỤ 6 (3), 25-45.

11 Nhan đề và số từng thư

Nếu xuất bản phẩm cũng mang nhan đề của một từng thư mà nó tạo thành một thành phần có đánh số hoặc không đánh số của từng thư này, nhan đề từng thư và số của xuất bản phẩm nhiều kỳ trong từng thư này có thể được đưa vào tham chiếu. Nhan đề và số từng thư nên được ghi khi xuất hiện trên xuất bản phẩm.

VÍ DỤ 1 Xêri các báo cáo Hải dương học, 99-12.

VÍ DỤ 2 Nghiên cứu về quyền của thổ dân.

VÍ DỤ 3 Sổ tay động lực và nhận thức. Bối cảnh giữa các cá nhân, Tập 3.

12 Dấu nhận dạng

Nếu tài liệu có một mã số tiêu chuẩn quốc tế (ví dụ: ISBN, ISAN, ISMN, ISRC) hoặc dấu nhận dạng quốc tế khác, ví dụ: Dấu nhận dạng đối tượng số- [Digital Object Identifier [DOI ® ¹⁾], xác định duy nhất nguồn tin này, nó sẽ được bao gồm trong tham chiếu (xem thêm 6.3.2 và 15.2.6).

VÍ DỤ 1 Geological Magazine. ISSN 0016-7568.

VÍ DỤ 2 MANN, Thomas. Mario the magician & other stories. Translated from the German by H. T. Lowe-Porter. London: Vintage Classics, 2000. ISBN 0-7493-8662-2.

¹⁾ DOI ® là thương hiệu đã đăng ký của Tổ chức DOI Quốc tế. Thông tin này được đưa ra để tiện lợi cho người sử dụng Tiêu chuẩn này và không phải là một xác nhận bởi ISO của sản phẩm được đặt tên.

VÍ DỤ 3 ROBINSON, R. Quiet and Poised: "Silent" Genes Accumulate Transcription Machinery. PLoS Biol. 2010, 8(1), e1000269. eISSN-1545-7885. ISSN-1544-9173. Available from: doi:10.1371/journal.pbio.1000269

13 Địa điểm

Nếu chỉ biết một số hạn chế các bản của một tài liệu, chữ "Tại" ("At") cần phải được đưa trước địa danh, đủ điều kiện nếu cần thiết (xem 9.1.1), tiếp theo là tên của kho lưu trữ các bản tài liệu được trích dẫn và ký hiệu xếp giá của chúng (hoặc chỉ số định vị khác) trong hình thức được sử dụng bởi kho lưu trữ này. Xem thêm 15.2.6 và 15.7.2.

VÍ DỤ GOSSE, Sylvia (1881–1968). The Garden, Rowlandson House [etching and aquatint, 1912]. At: London: British Museum, Department of Prints and Drawings. Register number 1915-27-41.

14 Thông tin chung bổ sung

14.1 Tổng quát

Các loại thông tin bổ sung có thể được đưa vào một số tham chiếu được quy định trong 14.2 đến 14.7. Khi thông tin này được đưa vào trong tham chiếu, cần theo các hướng dẫn được đề nghị dưới đây.

14.2 Phân loại

Nếu ký hiệu phân loại được ghi trong nguồn tin được đưa vào, khung phân loại cần được chỉ định.

VÍ DỤ 1 UDC 001.811:025.171.

VÍ DỤ 2 DDC 709,24.

VÍ DỤ 3 Int. Cl. E02F 3/76. GB Cl. E1F 12. (Được sử dụng với sáng chế.)

14.3 Kích cỡ

Nếu kích cỡ của một nguồn tin in được đưa vào trong tham chiếu, nếu thích hợp, có thể được đưa vào như sau:

a) Chỉ có chiều cao, tính bằng mm,

VÍ DỤ 1 210 mm.

b) Chiều cao trước chiều rộng, hoặc

VÍ DỤ 2 210 mm x 150 mm.

c) Nếu thích hợp, chỉ định khổ A (xem ISO 216) theo sau, khi cần, bởi "trang theo chiều ngang".

VÍ DỤ 3 A5 trang theo chiều ngang.

14.4 Giá và điều kiện thu thập

Thông tin về giá và điều kiện thu thập có thể được đưa ra, theo định giá của nhà xuất bản.

14.5 Ngôn ngữ

Ngôn ngữ gốc được sử dụng trong văn bản hoặc bản dịch có thể được đề cập, nếu thích hợp.

VÍ DỤ 1 BAARD, H.P. Frans Hals. Translated from the Dutch by George STUYCK.

VÍ DỤ 2 ANDRIĆ, Ivo. Il est un pont sur la Drina: chronique de Vichégrad. Translated from Serbo-Croatian into French by Georges LUCIANI.

14.6 Nhãn hiệu thương mại đã đăng ký

Nhãn hiệu thương mại đã đăng ký có thể được biểu thị bằng dấu "®".

14.7 Các thông tin khác

Các thông tin khác liên quan đến mục đích của tham chiếu cụ thể có thể được đưa vào.

15 Các loại nguồn tin cụ thể

15.1 Tổng quát

Các chi tiết kỹ thuật trong các điều từ 4 đến điều 14 áp dụng cho các loại nguồn tin cụ thể bổ sung cho các thông số kỹ thuật dưới đây. Xem thêm Bảng B.5 cho danh sách các yếu tố và C.7 đến C.17 cho các ví dụ về nguồn tin này và các nguồn tin điện tử khác.

15.2 Nguồn tin điện tử hoặc các phần và các bài đóng góp

15.2.1 Tổng quát

Một số mô tả bổ sung hoặc mở rộng của các yếu tố cần thiết để trích dẫn và tham chiếu các nguồn tin điện tử được đưa ra trong điều này, bao gồm các nguồn tin sau đây:

- Chuyên khảo điện tử, cơ sở dữ liệu và chương trình máy tính;
- Xuất bản phẩm nhiều kỳ điện tử;
- Danh sách thảo luận điện tử, blog và tin nhắn điện tử.

15.2.2 Loại vật mang tin

Loại vật mang tin đối với các nguồn tin điện tử phải được đưa ra theo định danh vật mang (xem điều 7).

VÍ DỤ 1 [trực tuyến].

VÍ DỤ 2 [đĩa].

Nếu muốn, loại nguồn tin cụ thể cũng có thể được đưa ra.

VÍ DỤ 3 [cơ sở dữ liệu trực tuyến].

VÍ DỤ 4 [xuất bản phẩm nhiều kỳ trực tuyến].

VÍ DỤ 5 [chương trình máy tính].

VÍ DỤ 6 [thư điện tử].

TCVN 10256:2013

VÍ DỤ 7 [hình ảnh kỹ thuật số].

VÍ DỤ 8 [podcast].

VÍ DỤ 9 [tệp tin âm thanh].

15.2.3 Yêu cầu hệ thống

Thông tin bổ sung liên quan đến yêu cầu hệ thống nằm ngoài thông tin được đưa ra trong định danh vật mang cần được ghi lại trong một chú thích. Yêu cầu hệ thống có thể bao gồm:

- Máy tính mà trên đó nguồn tin được thiết kế được đọc;
- Tên hệ điều hành và phiên bản của nó;
- Kích thước của tệp tin;
- Yêu cầu phần mềm;
- Loại đặc tính của tất cả hoặc một số thiết bị ngoại vi được đề nghị.

Cách diễn đạt được cung cấp bởi nguồn tin điện tử hoặc tài liệu của nó nên được sử dụng. Để giảm sự không rõ ràng, nên có cụm từ "Yêu cầu hệ thống" hoặc cụm từ tương đương trước thông tin này.

VÍ DỤ Yêu cầu hệ thống: PC Windows 98, 2000, hoặc XP, 32 MB RAM, 800 × 600 độ phân giải màu sắc hiển thị; Internet Explorer 5.0 hoặc mới hơn, Flash 6 hoặc plug-in sau đó, card âm thanh.

15.2.4 Lần xuất bản

Do nguồn tin điện tử được thường xuyên cập nhật hoặc mở rộng, chúng thường xuyên mang thông tin lần xuất bản. Các từ như "ấn bản", "phiên bản", "cấp độ" hay "cập nhật" có thể được sử dụng. Những từ truyền thống hơn như "Phiên bản sửa đổi", "bản cập nhật thứ ba" hoặc "trình độ đào tạo" cũng có thể xuất hiện. Số và định danh khác cho lần xuất bản nên được ghi lại bằng các thuật ngữ được đưa ra trong nguồn này.

VÍ DỤ 1 Xuất bản lần thứ 5.

VÍ DỤ 2 Phiên bản 3.1.

VÍ DỤ 3 Phiên bản 1.0 sửa đổi phần A.

15.2.5 Ngày tháng trích dẫn

Ngày tháng nguồn tin điện tử được đọc thực sự nên để trong ngoặc vuông đối với các nguồn tin có thể bị thay đổi (ví dụ: các nguồn tin trực tuyến) hoặc khi không có ngày tháng đáng tin cậy khác có thể được tìm thấy trong nguồn này hoặc tài liệu hướng dẫn. Ngày trích dẫn phải được đi trước bởi từ "đã xem xét" hoặc thuật ngữ tương đương.

Đối với các chuyên khảo điện tử hoặc bài đóng góp cho chuyên khảo, ngày tháng tài liệu được truy cập nên tiếp sau:

a) Ngày cập nhật/sửa đổi, nếu có ngày đó (xem 8.2); hoặc

- b) Nếu không có ngày cập nhật/sửa đổi, thì là số thứ tự /số trang, nếu có một trong hai; hoặc
- c) Nếu không có ngày cập nhật/sửa đổi cũng không có số thứ tự hoặc số trang, thì là ngày xuất bản (xem 4.5 và 9.3).

Đối với xuất bản phẩm nhiều kỳ, thông tin này nên làm theo thông tin số thứ tự và số trang (xem điều 10).

VÍ DỤ 1 [xem ngày 03 tháng chín năm 2006].

VÍ DỤ 2 [xem 2005/12/29].

VÍ DỤ 3 [xem 17, tháng 5, 2008, 16:15 EST].

15.2.6 Điều kiện thu thập và truy cập

Thông tin bổ sung để xác định và định vị nguồn tin gốc được trích dẫn (xem 4.5) phải được cung cấp cho các nguồn tin trực tuyến. Những thông tin này cần được xác định bằng các từ "có sẵn từ" hoặc một cụm từ tương đương (ví dụ: "Phương thức truy cập") khi thích hợp.

Thông tin vị trí đối với các nguồn tin trực tuyến trong một mạng máy tính như Internet nên tham khảo bản sao của nguồn tin đã được xem, và nó phải bao gồm địa chỉ mạng cho vị trí của nó (ví dụ: URI, URL), cũng như phương pháp truy cập tới nguồn tin này nếu phương pháp đó là không rõ ràng trong địa chỉ mạng riêng của mình. Các yếu tố của thông tin vị trí (ví dụ: địa chỉ máy chủ, tên thư mục, tên tệp tin) nên được chuyển tả với cùng dấu ngắt câu, chữ hoa và chữ thường như được đưa trong nguồn tin.

VÍ DỤ 1 Có sẵn từ: <http://www.collectionscanada.ca/moodie-traill/index-e.html>

VÍ DỤ 2 Có sẵn trên Internet qua FTP ẩn danh từ: BORG.LIB.VT.EDU

VÍ DỤ 3 Có sẵn từ: MedlinePlus.

Nếu thông tin vị trí cần phải ngắt ở cuối dòng, sự ngắt (dòng) nên được thực hiện sau một hoặc hai dấu gạch chéo, nhưng được thực hiện trước các dấu ngắt câu khác.

VÍ DỤ 4 Có sẵn từ: <http://www.lac-bac.gc.ca/iso/tc46sc9/standard/690-2e.htm>

VÍ DỤ 5 Có sẵn từ: <http://www.gutenberg.org/files/17426/17426-mp3/> 17.426 mp3-chap10.mp3

Nếu các nguồn tin trực tuyến với thông tin vị trí dài hoặc phức tạp, thì việc cung cấp đường dẫn đến nguồn tin được coi là hữu ích.

VÍ DỤ 6 Có sẵn từ: http://www.culturekiosque.com/art/comment/damien_hirst.html Đường dẫn: Home; Art; The Death of God: Damien Hirst.

DOI gán cho nguồn tin này, nếu có, có thể được cung cấp ở vị trí thông tin vị trí trực tuyến của nó. Định danh DOI hoặc dấu nhận dạng liên tục được ưa tiên hơn URL, vì URL có thể thay đổi.

VÍ DỤ 7 doi: 10.1000/ISBN1-900512-44-0

15.2.7 Thông tin về điều kiện thu thập khác

Thông tin về tất cả các vị trí hoặc hình thức của nguồn tin cũng có thể được đưa ra. Thông tin này nên được tách bạch với các thông tin trong đó đề cập đến vị trí của nguồn tin thực tế được trích dẫn, và cần đặt sau cụm từ "cũng có sẵn" hoặc một cụm từ tương đương thích hợp.

VÍ DỤ Có sẵn dưới dạng PDF từ: <http://www.ukoln.ac.uk/services/elib/papers/other/pinfield-elib/elibreport.pdf>

15.3 Phần mềm máy tính

Khi trích dẫn phần mềm máy tính, người tạo lập nên được ưu tiên hơn nhà phân phối, ngay cả khi nhà phân phối được hiển thị nổi bật hơn.

Thông tin phiên bản nên được đưa vào nếu có.

Ngày xuất bản là ngày phần mềm được phát hành sử dụng. Ngày trích dẫn là ngày chương trình đã được truy cập trong bối cảnh tài liệu được tham chiếu.

15.4 Tài liệu nghe nhìn

Đối với tài liệu nghe nhìn, thông tin đầy đủ nên được đưa về định dạng của tài liệu để xác định các yêu cầu về sự phát lại nó, ví dụ: DVD, phim 16 mm, MPEG-4.

15.5 Tài liệu bản đồ

15.5.1 Tổng quát

Các hệ thống chiếu, kinh tuyến gốc, định hướng và tham chiếu như lưới tọa độ và hệ thống cần điều hướng có thể được đưa ra nếu được xem là quan trọng.

15.5.2 Người tạo lập

Đối với tài liệu bản đồ, vai trò của tác giả có thể được chỉ ra trên bản đồ bằng những thuật ngữ như "bởi", "người vẽ bản đồ", "biên soạn", "sửa chữa", "đề tặng", "biên tập", "thiết kế", "rút ra", "sao chép", "thực hiện", "khắc", "sửa đổi", hoặc "cập nhật".

VÍ DỤ 1 Ghi trên bản đồ: khảo sát bởi Isaac Taylor.

Tác giả được trích dẫn: TAYLOR, Isaac.

VÍ DỤ 2 Ghi trên bản đồ: Lake District: tourist map. Ordnance Survey.

Tác giả được trích dẫn: ORDNANCE SURVEY

Quyền hạn có thể được đưa ra trong yếu tố tác giả hoặc bao gồm trong thông tin bổ sung (xem điều 14). Tên của cá nhân được biết là người đóng góp lớn cho việc tạo ra bản đồ nên được đưa vào, ngay cả khi nó không được hiển thị nổi bật.

15.5.3 Sản xuất

Nếu cả nhà in và nhà xuất bản được hiển thị trên bản đồ, chỉ có tên của nhà xuất bản được đưa ra.

15.5.4 Định danh xêri bản đồ

Đối với tài liệu bản đồ, định danh xêri bản đồ, nếu có, phải được đưa ra trong hình thức mà nó xuất hiện trong nguồn tin ưu tiên, đứng trước, nếu thích hợp, bởi thuật ngữ "xêri".

VÍ DỤ 1 A.D. Maps. A.M. no. 677/2.

VÍ DỤ 2 M726.

VÍ DỤ 3 Xêri 1106.

15.5.5 Tỷ lệ

Đối với tài liệu bản đồ, tỷ lệ cần được đưa ra, thông thường dưới dạng tỷ số (được tính nếu cần thiết), ví dụ "1:50.000", hoặc, nếu có cách khác được đưa trên bản đồ, nó có thể được trích dẫn như đã xuất hiện. "Tỷ lệ không được hiển thị" hoặc "Tỷ lệ không xác định" có thể được sử dụng nếu cần thiết.

VÍ DỤ Trên bản đồ: "một inch-cho-một dặm".

Tham chiếu: "1:63.360" hoặc "một inch-cho-một dặm".

Nếu tỷ lệ xuất hiện bằng thuật ngữ đồ họa, ví dụ như thanh tỷ lệ, nó có thể được tính bằng một tỷ số, ví dụ như "1:63.360" hoặc đưa dưới hình thức trên bản đồ, ví dụ như "tỷ lệ dặm, 10 [= 60 mm]"

15.5.6 Kích thước

Đối với các bản đồ, biểu đồ và sơ đồ, kích thước phải được đưa ra là chiều cao trước chiều rộng, tính bằng mm, được đo giữa các đường ranh giới. Kích thước khác, chẳng hạn như kích thước tám, có thể được đưa ra nếu cần thiết.

VÍ DỤ 1 250 mm x 350 mm, tám 600 mm x 800 mm.

Đối với các tài liệu ba chiều, chiều cao, chiều rộng và chiều sâu được đưa ra.

VÍ DỤ Bản đồ mô hình: 450 mm x 350 mm x 20 mm.

Đối với các bản đồ tròn và quả địa cầu, đường kính phải được đưa ra.

VÍ DỤ 3 Bản đồ hình tròn: đường kính 500 mm, trên tờ 610 mm x 550 mm.

VÍ DỤ 4 Quả cầu: đường kính 70 mm.

15.5.7 Thông tin quang phổ/độ che phủ mây

Đối với hình ảnh viễn thám, các đặc tính quang phổ của bộ cảm biến phải được đưa ra, cùng với các chi tiết của hệ thống vệ tinh, nếu không được đưa ở những nơi khác trong trích dẫn. Thông tin độ che phủ mây phải được đưa ra nếu thích hợp.

VÍ DỤ 1 Bands 5, 6, 7, Landsat 2.

VÍ DỤ 2 RBV, Landsat 3, mây che phủ 40%.

VÍ DỤ 3 Infra-red, Meteosat.

15.6 Phim, video và các chương trình phát sóng

15.6.1 Nhan đề

Hầu hết các bộ phim, video và các chương trình phát sóng là kết quả hợp tác của nhiều cá nhân, không ai trong số họ có vai trò ưu thế là người tạo lập. Chúng nên được trích dẫn với nhan đề như là yếu tố đầu tiên trong tham chiếu.

VÍ DỤ 1 Macbeth [film]. Directed by Orson WELLES.

VÍ DỤ 2 The Archers. BBC Radio.

15.6.2 Người tạo lập

Với các mục đích đặc biệt của tham chiếu, hoặc để phân biệt các tài liệu có cùng nhan đề, tên các cá nhân có thể được trích dẫn với vai trò của họ như đạo diễn, nhà sản xuất, diễn viên... Đạo diễn được ưu tiên (xem 5.1). Nếu một cá nhân phải chịu trách nhiệm về nội dung trí tuệ của tài liệu, người này có thể được đưa như là tác giả trong yếu tố đầu tiên.

VÍ DỤ HENDERSON, David. 1985 Reith lectures. BBC Radio, 3 and 4 Nov. – Dec. 1985.

5.6.3 Ngày tháng

Đối với phim, năm ưu tiên là năm phát hành trong nước sản xuất.

15.6.4 Chương trình trong một xêri

Đối với một chương trình đơn lẻ trong một xêri, số và nhan đề của tập phim thường được đưa vào, cũng như nhan đề xêri, tổ chức truyền và kênh, và ngày đầy đủ (tức là năm, tháng, ngày, và nếu cần thiết, thời gian truyền phát).

VÍ DỤ 1 Yes, Prime Minister, Episode 1, The Ministerial Broadcast. BBC 2. 16 Jan. 1986.

VÍ DỤ 2 News at Ten. ITV. 27 Jan. 2006. 22:00.

15.6.5 Phần cấu thành

Các tài liệu riêng lẻ trong một chương trình nên được trích dẫn như bài đóng góp (xem 6.4).

VÍ DỤ THATCHER, Margaret. Interview. In: Six O'Clock News. BBC 1, 29 Jan. 1986, 18:23.

15.7 Tác phẩm đồ họa

15.7.1 Người tạo lập

Một vài cá nhân có thể liên quan trong sản xuất tài liệu minh họa. Nếu tên của họ được ghi trên tài liệu đó, họ phải được đưa vào với một chỉ thị về vai trò, ví dụ như pinxit (họa sĩ), người in thạch bản, sculpsit (nhà điêu khắc).

VÍ DỤ 1 DANIELL, William, fecit. Benj. West, R.A. [lithograph, b&w]. George DANCE, delineavit. London: 1809.

VÍ DỤ 2 Flora dispensing her favours on the earth [engraving]. R.A. COSWAY, pinxit, and T. WOOLNOTH, sculpsit.

15.7.2 Vị trí

Nếu trong tham chiếu cho một tác phẩm đồ họa, vị trí được biết của nó trong một thư viện hoặc kho lưu trữ cần thiết để xác định nó, vị trí (Xem điều 13) phải được xử lý như là một yếu tố thiết yếu.

VÍ DỤ GOSSE, Sylvia (1881–1968). The Garden, Rowlandson House [etching and aquatint, 1912]. At: London: British Museum, Department of Prints and Drawings. Register number 1915-27-41.

15.7.3 Phần của một nguồn tin khác

Nếu một tác phẩm đồ họa đã được rút ra hoặc sao chép lại từ một cuốn sách hoặc tài liệu khác đã biết, nó phải được trích dẫn như là một phần của nguồn tin này.

VÍ DỤ 1 SPY [pseud. of (Sir) Leslie WARD]. Convocation, caricature of the Very Revd Edward Bickersteth, Dean of Lichfield. From: JEHU, Junior [pseud. of Thomas Gibson BOWLES]. In: Vanity Fair Album. London: 1884, vol. 16, Men of the Day, no. 321.

VÍ DỤ 2 DÜRER, Albrecht. A hare [watercolour, 1502]. In: E. SCHILLING, Albrecht Dürer Drawings and Watercolours. London: Zwemmer, 1949, frontispiece.

15.8 Bản nhạc

15.8.1 Người tạo lập

Trong tham chiếu cho bản nhạc được viết hoặc ghi lại, nhà soạn nhạc thường được hiển thị như người tạo lập, ngay cả khi người viết lời nhạc kịch cũng được đưa cùng mức độ nổi bật.

VÍ DỤ PACINI, Giovanni. Il Corsaro. Libretto by Giacomo FERRETTI after Lord Byron.

15.8.2 Kích thước

Đối với âm nhạc, một tổng phổ được nhận biết như bản tổng phổ hoàn chỉnh, nhưng giảm kích thước, có thể được mô tả như một tổng phổ thu nhỏ hoặc bỏ túi nếu chiều cao của nó không vượt quá 200 mm, hoặc như một tổng phổ nghiên cứu nếu chiều cao của nó vượt quá 200 mm.

15.9 Sáng chế

Thứ tự các yếu tố trong tham chiếu cho một sáng chế, ngoại trừ ngày tháng, tương tự như đối với tham chiếu cho bài đóng góp trong một xuất bản phẩm nhiều kỳ (xem B.4.1). Tên chủ sở hữu hoặc người nộp đơn (xem 5.1) phải đứng trước nhan đề của nguồn tin sáng chế (phần hợp thành). Tên hoặc mã nước (xem 5.3.4) và định danh chính thức của xêri trong đó nguồn tin sáng chế được đánh số (nguồn tin chủ) phải đi theo sau. Số xuất bản phẩm nhiều kỳ sáng chế ghi số là đủ.

Nếu không đủ rõ ràng trong tham chiếu, dữ kiện về tài liệu là một sáng chế cần được nêu rõ.

Các thông tin khác như tên người sáng chế, bất cứ ký hiệu phân loại nào và ngày nộp đơn đi trước bởi "Appl: "có thể được cấp như thông tin bổ sung giữa nhan đề và chỉ định chính thức.

VÍ DỤ 1 PHILIP MORRIS INC. Optical perforating apparatus and system. European patent application 0021165A1. 1981-01-07.

VÍ DỤ WINGET LTD. Detachable bulldozer attachment for dumper vehicles. Inventor: Reginald John ENGLAND. 8 March 1967. Appl: 10 June 1963. Int. Cl: E02F 3/76. GB Cl: E1F 12. GB Patent Specification 1060631

TCVN 10256:2013

VÍ DỤ 3 Carl Zeiss Jena, VEB. Anordnung zur lichtelektrischen Erfassung der Mitte eines Lichtfeldes. Switzerland, Patentschrift 608626. 1979-01-15.

15.10 Báo cáo trong xêri, tiêu chuẩn và các xuất bản phẩm tương tự

Nhiều báo cáo và các xuất bản phẩm tương tự được phát hành trong xêri bởi các cơ quan nghiên cứu và các tổ chức tương tự thường được xác định bởi nhan đề và số xêri. Trong tham chiếu cho các xuất bản phẩm này, nhan đề và số xêri là yếu tố cần thiết, có thể được viết tắt trong một hình thức chung được công nhận, ví dụ: FIPS PUBS cho Federal Information Process Standards Publications. (Xuất bản phẩm các tiêu chuẩn về Quy trình thông tin Liên Bang)

VÍ DỤ 1 INTERNET ENGINEERING TASK FORCE. RFC 3979: Intellectual property rights in IETF technology [online]. Edited by S. Bradner. March 2005 [xem ngày 18 tháng 6 năm 2006]. Sẵn có từ: <http://www.ietf.org/rfc/rfc3979.txt>

VÍ DỤ 2 NATIONAL INFORMATION STANDARDS ORGANIZATION. ANSI/NISO Z39.53-2001, Codes for the representation of languages for information interchange. Bethesda, Maryland: NISO Press, 2001. National Information Standards series. ISSN 1041-5653. Sẵn có từ: <http://www.niso.org/standards/z39-53-2001/>

VÍ DỤ 3 ALTERNATE ENERGY ASSOCIATES. Electric-Car Range Extension Through Hybrid Modification. Final Report. Springfield, VA: NTIS, Jun 1982. DOE/R4/10448-T1. Order No.: DE84000396.

Phụ lục A
(Tham khảo)

Phương pháp trích dẫn

A.1 Mỗi quan hệ giữa trích dẫn trong văn bản và tham chiếu

Thông tin trong một văn bản cần được liên kết với các chi tiết thư mục của các nguồn tin hỗ trợ thông tin này theo một trong ba cách mô tả trong A.2 đến A.4.

A.2 Hệ thống tên và ngày tháng (hệ thống Harvard)

A.2.1 Lời trích dẫn trong văn bản

Tên người tạo lập và năm công bố nguồn tin trích dẫn được đưa ra trong văn bản theo một hệ thống tên và ngày tháng. Nếu tên người tạo lập xuất hiện tự nhiên trong văn bản ghi năm theo sau trong ngoặc đơn, nếu không, cả tên và năm trong ngoặc đơn. Trong trích dẫn đến các phần cụ thể của nguồn tin, vị trí của phần đó (ví dụ: số trang) có thể được đưa sau năm trong dấu ngoặc đơn.

Nếu hai hoặc nhiều nguồn tin có cùng người tạo lập và năm, chúng được phân biệt bởi các chữ cái thường (a, b, c, ...), tiếp theo năm trong dấu ngoặc đơn.

VÍ DỤ The notion of an invisible college has been explored in the sciences (Crane 1972). Its absence among historians is noted by Stieg (1981b, p. 556). It may be, as Burchard (1965) points out, that they have no assistants, or are reluctant to delegate (Smith 1980; Chapman 1981)

A.2.2 Tham chiếu

Tham chiếu cho các nguồn tin được trích dẫn trong văn bản được sắp xếp trong một danh sách theo thứ tự chữ cái của họ tác giả, với năm xuất bản và chữ viết thường, nếu có, ngay sau tên tác giả.

VÍ DỤ 1 BURCHARD, J.E., 1965. How humanists use a library. In: C.F.J. OVERHAGE and J.R. HARMAN, eds. *Intrex: Report on a planning conference and information transfer experiments*. Cambridge, Mass.: MIT Press, 3 Sept. 1965, pp. 41-87.

VÍ DỤ 2 CHAPMAN, J., 1981. Report to the British Library Research and Development Department [microfiche]. Birmingham: University School of History. S1/9/281.

VÍ DỤ 3 CRANE, D., 1972. *Invisible Colleges*. Chicago: University of Chicago Press.

VÍ DỤ 4 SMITH, C., 1980. Problems of information studies in history. In: S. STONE, ed. *Humanities information research*, Sheffield: CRUS, pp. 27-30.

VÍ DỤ 5 STIEG, M.F., 1981b. The information needs of historians. *College and Research Libraries*, 42(6),549-560.30

A.3 Hệ thống số

A.3.1 Trích dẫn trong văn bản

Trong trích dẫn theo mô hình văn bản, chữ số trong văn bản, trong ngoặc đơn, trong ngoặc vuông hay chữ viết lên trên, chỉ đến nguồn tin theo thứ tự chúng được trích dẫn lần đầu tiên. Các trích dẫn sau của nguồn tin cụ thể nhận được cùng một số như trích dẫn lần đầu tiên. Nếu các phần cụ thể của một nguồn tin được trích dẫn, số trang, vv, phải được đưa ra sau các phần số.

VÍ DỤ 1 The notion of an invisible college has been explored in the sciences²⁶. Its absence among historians is noted by Stieg^{13 p. 556}. It may be, as Burchard⁸ points out, that they have no assistants, or are reluctant to delegate^{27, 28}.

Hoặc

VÍ DỤ 2 The notion of an invisible college has been explored in the sciences (26). Its absence among historians is noted by Stieg (13 p. 556). It may be, as Burchard (8) points out, that they have no assistants, or are reluctant to delegate (27, 28).

A.3.2 Tham chiếu thư mục

Tham chiếu cho các nguồn tin phải được sắp xếp theo số thứ tự của chúng trong một danh sách được đánh số.

VÍ DỤ

8. BURCHARD, J.E. How humanists use a library. In: C.F.J. OVERHAGE and J.R. HARMAN, eds. Intrex: Report on a planning conference and information transfer experiments. Cambridge, Mass.: MIT Press, 3 Sept. 1965, pp. 41-87.

...

13. STIEG, M.F. The information needs of historians. *College and Research Libraries*, 1981, 42(6), 549-560.

...

26. CRANE, D. *Invisible Colleges*. Chicago: University of Chicago Press, 1972.

27. SMITH, C. Problems of information studies in history. In: S. STONE, ed. *Humanities information research*. Sheffield: CRUS, 1980, pp. 27-30.

28. CHAPMAN, J. Report to the British Library Research and Development Department [microfiche]. Birmingham: University School of History, 1981. S1/9/281.

A.4 Chú thích chạy

A.4.1 Trích dẫn trong văn bản

Đối với chú thích chạy, chữ số trong văn bản, trong ngoặc đơn, ngoặc vuông hay chữ viết lên trên chỉ đến chú thích, được đánh số theo thứ tự chúng xuất hiện trong văn bản. Các chú thích này có thể chứa tham chiếu tới nguồn tin được trích dẫn. Nhiều trích dẫn của một nguồn tin cần được cấp các số chú thích riêng.

VÍ DỤ 1 The notion of an invisible college has been explored in the sciences³². Its absence among historians is noted by Stieg³³. It may be, as Burchard³⁴ points out, that they have no assistants, or are reluctant to delegate³⁵.

VÍ DỤ 2 The notion of an invisible college has been explored in the sciences (32). Its absence among historians is noted by Stieg (33). It may be, as Burchard (34) points out, that they have no assistants, or are reluctant to delegate (35).

Một số chú thích nên được sử dụng đối với từng thông tin hoặc nhóm thông tin được hỗ trợ bởi trích dẫn; chú thích tương ứng có thể bao gồm nhiều hơn một nguồn (xem chú thích 35 trong ví dụ 1 tới A.4.2).

A.4.2 Tham chiếu

Chú thích nên được trình bày theo số thứ tự.

Chú thích chỉ đến nguồn được trích dẫn trong một chú thích trước đó phải lặp lại tài liệu tham khảo đầy đủ hoặc cung cấp số của chú thích trước đó, với bất kỳ số trang nào cần thiết, ...

Nếu tên được viết tắt, chú thích đầu tiên (Chú thích 1) phải giải thích tất cả các chữ viết tắt hoặc nêu rõ nơi có thể tìm được các giải thích này.

VÍ DỤ 1

1. Các chữ viết tắt được sử dụng là:

CRUS = Centre for Research on User Studies (Trung tâm Nghiên cứu về nghiên cứu người dùng)

UGC = University Grants Committee (Ủy ban Tài trợ Đại học)

...

8. BURCHARD, J.E. How humanists use a library. In: C.F.J. OVERHAGE and J.R. HARMAN, eds. Intrex: Report on a planning conference and information transfer experiments. Cambridge, Mass.: MIT Press, 3 Sept. 1965, pp. 41-87.

...

15. STIEG, M.F. The information needs of historians. *College and Research Libraries*, 1981, 42(6), 549-560.

...

32. CRANE, D. *Invisible colleges*. Chicago: University of Chicago Press, 1972.

33. STIEG, ref. 15, p. 556.

34. BURCHARD, ref. 8.

35. SMITH, C. Problems of information studies in history. In: S. STONE, ed. *Humanities information research*. Sheffield: CRUS, 1980, pp. 27-30.

36. CHAPMAN, J. Report to the British Library Research and Development Department [microfiche]. Birmingham: University School of History, 1981. S1/9/281.

VÍ DỤ 2

1. Các chữ viết tắt sử dụng được liệt kê ở trang 357.

...

8. BURCHARD, J.E. ...

Phụ lục B
(Tham khảo)

Trình bày tham chiếu

B.1 Tổng quát

Các yếu tố được khuyến nghị được bao gồm trong hầu hết các kiểu tham chiếu đối với các nguồn tin in và điện tử, và thứ tự được khuyến nghị, trong đó các yếu tố cần được trình bày, được quy định trong B.2 đến B.5. Các yếu tố được đề nghị đưa vào tất cả các trường hợp được biểu thị bằng chữ đậm. Các yếu tố được đề nghị chỉ trong những trường hợp đặc biệt (ví dụ như nếu có hoặc nếu được đưa trên tài liệu) được in nghiêng đậm. Tất cả các yếu tố khác tùy chọn.

Việc sắp xếp các tham chiếu được khuyến nghị trong một danh sách theo thứ tự chữ cái được quy định cụ thể trong B.6.

B.2 Tham chiếu cho sách và các tài liệu chuyên khảo tương tự

Bảng B.1 cho thấy các yếu tố, theo thứ tự, được đưa vào trong các tham chiếu cho sách và các tài liệu chuyên khảo được phát hành riêng khác trong một loạt các định dạng (in, trực tuyến, vv).

Bảng B.1 – Tham chiếu cho sách hoặc tài liệu chuyên khảo được phát hành riêng

Các yếu tố (Theo thứ tự)	Trạng thái	Điều/Điều nhỏ có liên quan
Tên người tạo lập (của tài liệu trích dẫn)	Yêu cầu	Điều 5
[Năm]	Yêu cầu chỉ trong Hệ thống ngày tháng và tên	9.3.2; A.2
Nhan đề tài liệu	Yêu cầu	6.1 và 6.2
[Định danh vật mang tin]	Yêu cầu nếu tài liệu không phải dạng in	Điều 7; 15.2.2
[Định danh xêri bản đồ]	Yêu cầu chỉ với bản đồ	15.5.4
[Tỷ lệ] (của bản đồ, bản vẽ)	Yêu cầu chỉ với bản đồ, bản vẽ,..	15.5.5
Phụ đề	Tùy chọn	6.1.5 đến 6.1.7
Lần xuất bản	Yêu cầu nếu tài liệu không phải lần xuất bản thứ nhất	Điều 8
Tác giả khác	Tùy chọn	5.4.5
Nơi và nhà xuất bản	Yêu cầu	9.1; 9.2
Năm xuất bản	Yêu cầu ^a	9.3
[Năm cập nhật/sửa đổi]	Yêu cầu, nếu có sẵn, với nguồn tin trực tuyến	15.2.4
[Ngày trích dẫn]	Yêu cầu đối với nguồn tin trực tuyến	15.2.5
Nhan đề và số từng thư	Yêu cầu nếu tài liệu có thể được xác định là phần của một từng thư	6.1; Điều 11
Định danh chuẩn (ISBN,..)	Yêu cầu nếu có sẵn	Điều 12
[Điều kiện thu thập và truy cập]	Yêu cầu	15.2.6
[Vị trí]	Yêu cầu đối với nguồn tin in nếu biết là còn có một số lượng bản hạn chế	Điều 13
Thông tin khác có thể được bổ sung vào bất kỳ vị trí nào thích hợp	Tùy chọn	Điều 14; 15.2
Các yếu tố thể hiện trong ngoặc vuông chỉ được yêu cầu khi áp dụng cho một loại nguồn tin nhất định, như đã nêu trong cột Trạng thái.		
^a Trong hệ thống tên và ngày, tháng, năm thường không được lặp lại trong năm của yếu tố xuất bản, trừ khi một ngày tháng đầy đủ hơn, là cần thiết.		

B.3 Bài đóng góp trong một cuốn sách hoặc một tài liệu chuyên khảo tương tự

Bảng B.2 cho thấy các yếu tố, theo thứ tự, được bao gồm trong các tham chiếu cho các bài đóng góp trong sách và các tài liệu chuyên khảo tương tự trong một loạt các định dạng (in, trực tuyến, vv).

**Bảng B.2 – Tham chiếu cho bài đóng góp trong một cuốn sách
hoặc một tài liệu tương tự**

Các yếu tố (Theo thứ tự)	Trạng thái	Điều/Điều nhỏ có liên quan
Tên người tạo lập (của bài đóng góp)	Yêu cầu	Điều 5
[Năm]	Yêu cầu chỉ trong Hệ thống tên và ngày	9.3.2; A.2
Nhan đề bài đóng góp	Yêu cầu	6.1 và 6.2; 6.4
Thông tin bổ sung cho bài đóng góp	Tùy chọn	Điều 14
Trong:	Yêu cầu	Điều 5
Tên người tạo lập (của tài liệu chủ)	Yêu cầu	6.1 và 6.2; 6.4
Tên tài liệu chủ	Yêu cầu	6.1 và 6.2; 6.4
[Định danh vật mang tin]	Yêu cầu nếu tài liệu không phải dạng in	Điều 7; 15.2.2
[Định danh xêri bản đồ]	Yêu cầu chỉ với bản đồ	15.5.4
[Tỷ lệ] (của bản đồ, bản vẽ)	Yêu cầu chỉ với bản đồ, bản vẽ,..	15.5.5
Phụ đề	Tùy chọn	6.1.5 đến 6.1.7
Lần xuất bản	Yêu cầu nếu tài liệu không phải xuất bản lần thứ nhất	Điều 8
Tác giả khác của tài liệu chủ	Tùy chọn	5.4.5
Nơi và nhà xuất bản	Yêu cầu	9.1; 9.2
Năm xuất bản	Yêu cầu ^a	9.3
Số thứ tự (của tập chứa bài đóng góp)	Yêu cầu	Điều 10
Phạm vi số trang (của bài đóng góp)	Yêu cầu	10.2
[Năm cập nhật/sửa đổi]	Yêu cầu, nếu có sẵn, với nguồn tin trực tuyến	15.2.4
[Ngày trích dẫn]	Yêu cầu đối với nguồn tin trực tuyến	15.2.5
Nhan đề và số từng thư	Yêu cầu nếu tài liệu có thể được xác định là phần của một từng thư	6.1; Điều 11
Định danh chuẩn (ISBN,..)	Yêu cầu nếu có sẵn	Điều 12
[Điều kiện thu thập và truy cập]	Yêu cầu	15.2.6
[Vị trí]	Yêu cầu đối với nguồn tin in nếu biết là còn có một số lượng bản hạn chế	Điều 13
Thông tin khác có thể được bổ sung vào bất kỳ vị trí nào thích hợp	Tùy chọn	Điều 14; 15.2
Các yếu tố thể hiện trong ngoặc vuông chỉ được yêu cầu khi áp dụng cho một loại nguồn tin nhất định, như đã nêu trong cột Trạng thái.		
^a Trong hệ thống tên và ngày, tháng, năm thường không được lặp lại trong năm của yếu tố xuất bản, trừ khi một ngày tháng đầy đủ hơn, là cần thiết.		

B.4 Xuất bản phẩm nhiều kỳ

B.4.1 Tham chiếu cho một xuất bản phẩm nhiều kỳ trọn vẹn hoặc một số trọn vẹn của xuất bản phẩm nhiều kỳ

Bảng B.3 cho thấy các yếu tố, theo thứ tự, được đưa vào trong các tham chiếu cho các xuất bản phẩm nhiều kỳ trong một loạt các định dạng (in ấn, trực tuyến, vv).

Bảng B.3 – Tham chiếu cho một xuất bản phẩm nhiều kỳ trọn vẹn hoặc một số trọn vẹn của xuất bản phẩm nhiều kỳ

Các yếu tố (Theo thứ tự)	Trạng thái	Điều/Điều nhỏ có liên quan
Nhan đề xuất bản phẩm nhiều kỳ	Yêu cầu	6.1 đến 6.4
[Định danh vật mang tin]	Yêu cầu nếu tài liệu không phải dạng in	Điều 7; 15.2.2
[Năm]	Yêu cầu chỉ trong Hệ thống tên và ngày	9.3.2; A.2
Phụ đề	Tùy chọn	6.1.5 đến 6.1.7 6.3.1 đến 6.3.2
<i>Lần xuất bản</i>	Yêu cầu nếu có lần xuất bản	Điều 8
Nơi và nhà xuất bản	Yêu cầu	9.1; 9.2
Năm xuất bản	Yêu cầu ^a	9.3
<i>Số thứ tự</i>	Yêu cầu nếu không trích dẫn một xuất bản phẩm nhiều kỳ trọn vẹn nói chung	Điều 10
[Ngày trích dẫn]	Yêu cầu đối với nguồn tin trực tuyến	15.2.5
<i>Định danh chuẩn (ISSN)</i>	Yêu cầu nếu có	Điều 12
[Điều kiện thu thập và truy cập]	Yêu cầu	15.2.6
[Vị trí]	Yêu cầu đối với nguồn tin in nếu biết là còn có một số lượng bản hạn chế	Điều 13
Thông tin khác có thể được bổ sung vào bất kỳ vị trí nào thích hợp	Tùy chọn	Điều 14; 15.2
Các yếu tố thể hiện trong ngoặc vuông chỉ được yêu cầu khi áp dụng cho một loại nguồn tin nhất định, như đã nêu trong cột Trạng thái.		
^a Trong hệ thống tên và ngày, tháng, năm thường không được lặp lại trong năm của yếu tố xuất bản, trừ khi một ngày tháng đầy đủ hơn, là cần thiết.		

B.4.2 Bài đóng góp trong xuất bản phẩm nhiều kỳ

Bảng B.4 cho thấy các yếu tố, theo thứ tự, được đưa vào trong các tham chiếu cho các bài viết hay các phần cấu thành khác trong một xuất bản phẩm nhiều kỳ ở một loạt các định dạng (in, trực tuyến, vv).

Bảng B.4 – Tham chiếu cho bài đóng góp trong xuất bản phẩm nhiều kỳ

Các yếu tố (theo thứ tự)	Trạng thái	Điều/Điều nhỏ có liên quan
Tên người tạo lập (của bài đóng góp được trích dẫn)	Yêu cầu	Điều 5
[Năm]	Yêu cầu chỉ trong hệ thống tên và ngày tháng	9.3.2; A.2
Nhan đề bài đóng góp	Yêu cầu	6.1; 6.4
Thông tin bổ sung cho bài đóng góp	Tùy chọn	Điều 14
Trong:	Tùy chọn	6.4
Nhan đề của xuất bản phẩm nhiều kỳ chủ	Yêu cầu	6.1 đến 6.4
[Định danh vật mang]	Yêu cầu nếu tài liệu đó không phải là một bản in	Điều 7; 15.2.2
Phụ đề	Tùy chọn	6.1.5 đến 6.1.7
Lần xuất bản	Yêu cầu nếu có lần xuất bản	Điều 8
Nơi và nhà xuất bản	Yêu cầu	9.1; 9.2
Năm xuất bản	Yêu cầu ^a	9.3
Số thứ tự (tập, vv, có chứa bài đóng góp)	Yêu cầu	Điều 10
Phạm vi số trang (của bài đóng góp)	Yêu cầu	10.2
[Ngày trích dẫn]	Cần thiết đối với nguồn tin trực tuyến	15.2.5
Định danh chuẩn (ISSN, DOI, vv)	Yêu cầu nếu có	Điều 12
[Điều kiện thu thập và truy cập]	Yêu cầu đối với nguồn tin trực tuyến	15.2.6
[Vị trí]	Yêu cầu đối với nguồn tin in nếu biết là còn có một số lượng bản hạn chế	Điều 13
Các thông tin khác có thể được thêm vào bất cứ vị trí nào thích hợp nhất	Tùy chọn	Điều 14; 15.2
Các yếu tố thể hiện trong ngoặc vuông chỉ được yêu cầu khi áp dụng cho một loại nguồn tin nhất định, như đã nêu trong cột Trạng thái.		
^a Trong hệ thống tên và ngày, tháng, năm thường không được lặp lại trong năm của yếu tố xuất bản, trừ khi một ngày tháng đầy đủ hơn, là cần thiết.		

B.5 Thư điện tử, danh sách thảo luận, bảng tin

Bảng B.5 cho thấy các yếu tố, theo thứ tự, được bao gồm trong các tham chiếu cho thư điện tử và các bài nộp cho danh sách thảo luận điện tử, bảng tin, v.v

Bảng B.5 – Tham chiếu cho thư điện tử và các tài liệu tương tự

Các yếu tố (theo thứ tự)	Trạng thái	Điều/Điều nhỏ có liên quan
Tên người tạo lập (của thư)	Yêu cầu khi lập tham chiếu cho một thư cụ thể	Điều 5
[Năm]	Yêu cầu chỉ trong hệ thống tên và ngày tháng	9.3.2; A.2
Nhan đề thư	Yêu cầu; thông thường dòng chủ đề được sử dụng làm nhan đề thư	6.1
Tên hệ thống tin nhắn của máy chủ	Yêu cầu, nếu áp dụng	6.1
Định danh vật mang	Yêu cầu	Điều 7; 15.2.2
Ngày thư được gửi	Yêu cầu, bao gồm năm, tháng và ngày	9.3.3
Thời gian thư được gửi	Tùy chọn	9.3.3
[Điều kiện thu thập và truy cập]	Yêu cầu	15.2.6
Các thông tin khác có thể được thêm vào bất cứ vị trí nào thích hợp nhất	Tùy chọn	Điều 14; 15.2
Các yếu tố thể hiện trong ngoặc vuông chỉ được yêu cầu khi áp dụng cho một loại nguồn tin nhất định, như đã nêu trong cột Trạng thái.		

B.6 Sắp xếp danh sách tham chiếu theo thứ tự bảng chữ cái

Danh sách tham chiếu theo thứ tự bảng chữ cái được sắp xếp theo các nguyên tắc từ a) đến e), dựa vào yếu tố đầu tiên được đưa ra trong tham chiếu. Xem thêm 4.5.

- Bài viết của người tạo lập trước bất kỳ tài liệu nào mà người tạo lập đó trích dẫn.
- Dẫn mục của một người tạo lập riêng lẻ đứng trước dẫn mục của hai hoặc nhiều người tạo lập bắt đầu với cùng tên.
- Nhiều dẫn mục ghi bởi một người tạo lập duy nhất được sắp xếp theo thứ tự thời gian, với các nguồn tin sớm nhất đầu tiên.
- Các dẫn mục nhiều người tạo lập có cùng một người tạo lập đầu tiên có thể được sắp xếp theo thứ tự thời gian sau các dẫn mục chỉ có người tạo lập thứ nhất hoặc với một đồng tác giả phù hợp với các trích dẫn trong nguồn tin cung cấp tên tác giả đầu tiên, "và những người khác" hoặc "et al." sau ngày tháng (xem thêm 5.4).
- Nhiều người tạo lập tập thể (như các tổ chức) được sắp xếp theo thứ tự chữ cái của từ có nghĩa đầu tiên của tên.

TCVN 10256:2013

Trong trường hợp đặc biệt, trật tự tùy chọn có thể được sử dụng nếu được thực hiện nhất quán cho tất cả các tham chiếu. Ví dụ, trong danh sách các tham chiếu được sắp xếp theo thứ tự phân loại hoặc thứ tự chủ đề, thường là thích hợp khi đặt nhan đề đầu tiên rồi mới đến người tạo lập. Trong danh sách các bản đồ mới nhập, khu vực có thể được đặt đầu tiên. Trong danh sách các tài liệu hình ảnh động, nhan đề thường được đặt đầu tiên.

Phụ lục C (Tham khảo)

Ví dụ về các tham chiếu thư mục

C.1 Tổng quát

Phụ lục này đưa ra các ví dụ về tham chiếu thư mục tuân theo tiêu chuẩn này.

C.2 Ví dụ về tham chiếu cho sách in và các ấn phẩm chuyên khảo tương tự

VÍ DỤ 1 ANDRIĆ, Ivo. *Il est un pont sur la Drina: chronique de Vichégrad*. Translated from Serbo-Croatian into French by Georges LUCIANI. Paris: Plon, © 1961.

VÍ DỤ 2 BAARD, H.P. *Frans Hals*. Translated from the Dutch by George STUYCK. London: Thames and Hudson, 1981.

VÍ DỤ 3 CENTRAL ADVISORY COUNCIL FOR EDUCATION (ENGLAND). *Children and their primary schools [Plowden Report]*. London: HMSO, 1967.

VÍ DỤ 4 FARRAR, Frederic William. *Eric, or Little by Little: a tale of Roslyn School*. London: Hamilton, 1971.

VÍ DỤ 5 FOWLER, H.W. *A dictionary of modern English usage*. 2nd ed., revised by Sir Ernest GOWERS. Oxford: Clarendon Press, 1968.

VÍ DỤ 6 GORKI, Maxim. *The Artamonovs [Delo Artamonovykh]*. Translated from the Russian by Alec BROWN. London: Folio Society, 1955.

VÍ DỤ 7 GREAT BRITAIN. *Data Protection Act 1984. Schedule 1, c35, Part 1, Clause 7*. London: HMSO.

VÍ DỤ 8 HAMILTON, Alastair, Sjouke VOOLSTRA, and Piet VISSER, eds. *From martyr to muppy (Mennonite urban professionals): a historical introduction to cultural assimilation processes of a religious minority in the Netherlands, the Mennonites*. [Amsterdam, Netherlands]: Amsterdam University Press, 1994.

VÍ DỤ 9 PARKER, T.J. and W.A. HASWELL. *A text book of zoology*. 6th ed. Vol. 1 revised by Otto LOWENSTEIN; vol. 2 revised by C. FORSTER-COOPER. London: Macmillan, 1940.

C.3 Ví dụ về tham chiếu cho sách điện tử và ấn phẩm chuyên khảo trực tuyến

VÍ DỤ 1 BAUM, L. Frank. *The Wonderful Land of Oz* [online]. Etext no. 17426. Read by Roy TRUMBULL. Project Gutenberg, 2005 [viewed 2 April 2006]. MP3 format, 4.08 MB. Available from: <http://www.gutenberg.org/files/17426/17426-mp3/17426-mp3-chap10.mp3>

VÍ DỤ 2 INTERNET ENGINEERING TASK FORCE (IETF). RFC 3979: *Intellectual Property Rights in IETF Technology* [online]. Edited by S. Bradner. March 2005 [viewed 18 June 2006]. Available from: <http://www.ietf.org/rfc/rfc3979.txt>

VÍ DỤ 3 KAFKA, Franz. *The Trial* [online]. Translated by David WYLLIE. Project Gutenberg, 2005. Updated 2006-03-08 15:35:09 [viewed 5 June 2006]. Plain text format, 462 KB. Available from: <http://www.gutenberg.org/dirs/etext05/ktria11.txt>

C.4 Ví dụ về tham chiếu cho bài đóng góp trong xuất bản phẩm chuyên khảo in

VÍ DỤ 1 AYMARD, Maurice, ed. Dutch capitalism and world capitalism. In: Studies in Modern Capitalism. New York: Cambridge University Press, 1982, pp. 78-96.

VÍ DỤ 2 BURCHARD, J.E. How humanists use a library. In: C.F.J. OVERHAGE and J.R. HARMAN, eds. Intrex: Report on a planning conference and information transfer experiments. Cambridge, Mass.: MIT Press, 3 Sep. 1965, pp. 41-87.

VÍ DỤ 3 SMITH, C. Problems of information studies in history. In: S. STONE, ed. Humanities information research. Sheffield: CRUS, 1980, pp. 27-30.

C.5 Ví dụ về tham chiếu cho bài đóng góp trong các xuất bản phẩm chuyên khảo trực tuyến

VÍ DỤ NATIONAL RESEARCH COUNCIL [U.S.], Committee on the Training Needs of Health Professionals to Respond to Family Violence. Current Educational Activities in the Health Professions. In: Confronting Chronic Neglect: The Education and Training of Health Professionals on Family Violence [online]. Washington DC: National Academy Press, 2002, pp. 35-44 [viewed 23 June 2006]. Available from: http://darwin.nap.edu/openbook.php?record_id=10127&page=35

C.6 Ví dụ về tài liệu tham khảo cho các ấn phẩm nhiều kỳ in

VÍ DỤ Bulletin trimestriel. Institut archéologique du Luxembourg. 1925–. ISSN 0020-2177.

C.7 Ví dụ về tài liệu tham khảo cho phần cấu thành trong các xuất bản phẩm nhiều kỳ in

C.7.1 Sử dụng các nhãn đánh số trang và tập

Các ví dụ từ 1 tới 4 trong C.7.2 minh họa việc không sử dụng các nhãn đánh số trang hoặc tập, phù hợp với 10.3. So sánh các ví dụ này với các ví dụ trong C.4 có sử dụng các nhãn này.

C.7.2 Ví dụ

VÍ DỤ 1 AMAJOR, L.C. The Cenomanian hiatus in the Southern Benue Trough, Nigeria. Geological Magazine. 1985, 122(1), 39-50. ISSN 0016-7568.

VÍ DỤ 2 ANDREWS, M., et al. Growth of Chara Lispida II. Shack adaptation. Journal of Ecology. 1984, 72(3), 885-895. ISSN 0022-0477.

VÍ DỤ 3 BRY, I. and L. AFFLERBACH. In search of an organizing principle for behavioural science literature. Community Mental Health Journal. 1968, 4(1), 75-84. ISSN 0010-3853.

VÍ DỤ 4 STIEG, M.F. The information needs of historians. College and Research Libraries. 1981, 42(6), 549-560. ISSN 0010-0870.

C.8 Ví dụ về tài liệu tham khảo cho các xuất bản phẩm nhiều kỳ trực tuyến

VÍ DỤ 1 Acta Zoologica [online]. Oxford, U.K.: Blackwell Publishing Ltd., January 2006, vol. 87, issue 1 [viewed 6 July 2006]. Academic Search Premier. EBSCOhost Research Databases. ISSN 0001-7272. Available from: <http://search.epnet.com>

VÍ DỤ 2 AJET: Australasian Journal of Educational Technology [online]. Australia: ASCILITE, Winter 2000, vol. 16, no.2 [viewed 23 Oct. 2003]. ISSN 0814-673X. Available from:[http://www.ascilite.org.au/ajet/ajet16.html](http://www.ascilite.org.au/ajet/ajet16/ajet16.html)

C.9 Ví dụ về tham chiếu cho phần cấu thành trong các xuất bản phẩm nhiều kỳ trực tuyến

VÍ DỤ 1 ANDERSON, Donald E. Retire or refire: goals for the Final Lap from Philippians. In: Dissertation Abstracts International [database online]. DAI-A 51/04, 1990, p. 1258 [viewed 1 Oct. 1999]. Abstract of D.Min. diss., Talbot School of Theology, Biola University, 1990. ISSN 0717-3458. Available from Bell and Howell Information and Learning via e-mail to: umi@ppp.nasionet.net.

VÍ DỤ 2 MYERS, Michael P., Jay YANG, and Per STAMPE. Visualization and functional analysis of a maxi-K channel (mSlo) fused to green fluorescent protein (GFP). EJB: Electronic Journal of Biotechnology [online]. Valparaiso (Chile): Universidad Catolica de Valparaiso, 15 December 1999, vol. 2, no. 3 [viewed 28 June 2006]. ISSN 0717-3458. Available from: <http://www.ejbiotechnology.info/content/vol2/issue3/full/3/3.pdf>

VÍ DỤ 3 STRINGER, John A., et al. Reduction of RF-induced sample heating with a scroll coil resonator structure for solid-state NMR probes. Journal of Magnetic Resonance [online]. Elsevier. March 2005, vol. 173(1), 40-48 [viewed 18 July 2006]. Available from: [doi:10.1016/j.jmr.2004.11.015](https://doi.org/10.1016/j.jmr.2004.11.015)

C.10 Ví dụ về tham chiếu cho trang web và phần cấu thành trong trang web

C.10.1 Ví dụ về tham chiếu cho toàn bộ trang web

VÍ DỤ Words Without Borders: The online magazine for international literature. PEN American Center, © 2005 [viewed 12 July 2006]. Available from: <http://www.wordswithoutborders.org>

C.10.2 Ví dụ về tài liệu tham khảo cho phần cấu thành cụ thể hoặc phần của trang web

VÍ DỤ 1 CLARK, Carol. On the threshold of a brave new world. In: Blueprint of the body [online]. CNN.com, 2000 [viewed 24 August 2000; 10:25 EST]. In-depth specials. Available from: <http://www.cnn.com/SPECIALS/2000/genome/storey/overview/>

VÍ DỤ 2 FREEMAN, John. Book reviews pushed to the margins [online]. The blog books. Guardian Unlimited, 25 April 2007, 12:27 BST [viewed 26 April 2007]. Available from: http://blogs.guardian.co.uk/books/2007/04/last_week_the_london_book.html

VÍ DỤ 3 McLEAN, Renwick. Canary Islands species threatened by soft borders. International Herald Tribune [online]. Paris, France, 21 June 2006 [viewed 7 July 2006]. Available from: <http://www.iht.com/articles/2006/06/20/news/ecology.php>

VÍ DỤ 4 PAX, Salam. Where Is Raed? [online]. Blogger. 21 Feb. 2003, 19:17 [viewed 10 July 2006]. Available from: http://dear_raed.blogspot.com. Path: Homepage; archive; 02/01/2003-02/28/2003

VÍ DỤ 5 SEPÚLVEDA, Luz. The Death of God: Damien Hirst. Culturekiosque [online]. New York, Paris: Euromedia Group Ltd., 4 May 2006 [viewed 7 July 2006]. Available from: http://www.culturekiosque.com/art/comment/damien_hirst.html

VÍ DỤ 6 US ISBN AGENCY. The digital world and the ongoing development of ISBN [online]. New Providence, NJ: RR Bowker, n.d. [viewed 16 August 2002]. Available from: <http://www.isbn.org/standards/home/isbn/digitalworld.asp>

VÍ DỤ 7 Internet forum. Wikipedia: The Free Encyclopedia. 7 July 2006, 11:32 [viewed 10 July 2006, 12:28]. Available from: http://en.wikipedia.org/wiki/Web_forum

C.11 Ví dụ về tham chiếu cho thư điện tử

C.11.1 Ví dụ về tham chiếu cho một hệ thống thư điện tử hoàn chỉnh

VÍ DỤ Planet Science [message board]. BBC Science & Nature message boards [viewed 13 May 2006]. Available from: <http://www.bbc.co.uk/dna/mbsn/F2801717>

C.11.2 Ví dụ về tham chiếu cho các thư điện tử cụ thể

VÍ DỤ 1 FISHER, Fritz. Re: Shakespeare as required reading. In: USERNET newsgroup: humanities.lit.authors.shakespeare [online]. 29 May 1996; 0009:07:11 [viewed 4 June 1996; 13:03 EST]. Message-ID: 35CA25F7.3A9C@linguistik.uni-erlangen.de. Available from: Internet.

VÍ DỤ 2 WOOPUD [sn. of Bert]. Problems with kernel 2.6.17-4. In: Ubuntu forums: Edgy Eft development [online]. 9 July 2006 [viewed 10 July 2006]. Available from: <http://www.ubuntuforums.org/> Path: Ubuntu forums; Development discussion; Edgy Eft development.

C.12 Ví dụ về tham chiếu cho phần mềm máy tính

C.12.1 Các yếu tố cụ thể

Chi tiết liên quan đến các yếu tố cụ thể bao gồm trong tham chiếu cho phần mềm máy tính được đưa ra trong 15.3

C.12.2 Ví dụ

VÍ DỤ 1 APPLE COMPUTER, INC. Mac OS X Update 10.4.7 Intel [software]. 27 June 2006 [accessed 15 July 2006]. Available from: <http://www.apple.com> Path: Homepage; Mac OS X; downloads; Apple.

VÍ DỤ 2 MOZILLA FOUNDATION. Mozilla Firefox 1.5 [software]. 29 November 2005 [accessed 21 Jul 2006]. Available from: <http://www.firefox.web.com>

VÍ DỤ 3 PARALOG AB. 3RIP® [program]. Version 4.0. Stockholm: Paralog, 1981 [accessed 20 March 1990]. C.13 Examples of references to films, videos and broadcasts

C.13 Ví dụ về tham chiếu cho phim, video và chương trình phát sóng

C.13.1 Các yếu tố cụ thể

Thông tin chi tiết liên quan đến các yếu tố cụ thể bao gồm trong tham chiếu cho bộ phim, video và các chương trình phát sóng được đưa ra trong 15.6.

C.13.2 Ví dụ về tham chiếu cho một bộ phim, một video và một chương trình phát sóng hoàn chỉnh

VÍ DỤ 1 Cutter's Way [Cutter and Bone] [film]. Directed by Ivan PASSER. USA: Gùrian Entertainments & United Artists, 1981.

VÍ DỤ 2 Dave Allen at large. BBC TV, 25 February 2006.

VÍ DỤ 3 DIMBLEBY, David. Any questions. BBC Radio, 4 March 2006.

VÍ DỤ 4 HENDERSON, David. 1985 Reith lectures. BBC Radio, 3 and 4 Nov. – Dec. 1985.

VÍ DỤ 5 The last command [silent film]. Directed by Josef VON STERNBERG. Paramount Pictures, 1928. London: distributed in the UK by Universal International Pictures (UK).

VÍ DỤ 6 Macbeth [film]. Directed by Orson WELLES. USA: Republic Pictures, 1948. Location of 35 mm viewing copy: National Film Archive, London.

C.13.3 Ví dụ về tham chiếu cho một đoạn hoặc phần cụ thể của một bộ phim, một video và một chương trình phát sóng

VÍ DỤ 1 Rogue Waves [podcast]. In: Engines of Our Ingenuity, Episode 2111 [online]. Radio, NPR. KUHF-FM Houston, 12 Jul. 2006. Available from: <http://www.npr.org/rss/podcast.php?id=510030>

VÍ DỤ 2 THATCHER, Margaret. Interview. In: Six O'Clock News. TV, BBC 1, 29 Jan. 1986, 18:23 GMT.

C.14 Ví dụ về tham chiếu cho các tác phẩm đồ họa

C.14.1 Các yếu tố cụ thể

Chi tiết liên quan đến các yếu tố cụ thể bao gồm trong tham chiếu cho các tác phẩm đồ họa được đưa ra trong 15.7

C.14.2 Ví dụ về tham chiếu cho các tác phẩm đồ họa riêng lẻ

VÍ DỤ 1 CHAGALL, Marc. Paris Through the Window. 1913 [digital image]. Solomon R. Guggenheim Museum. New York: Artists Rights Society (ARS); Paris: ADAGP, ©2005 [viewed 9 Sept. 2006]. Available from: http://www.guggenheimcollection.org/site/artist_work_md_28_2.html JPEG, 298 px. by 286 px., 38.88 KB.

VÍ DỤ 2 DANIELL, William fecit. Benj. West, R.A. [lithograph, b&w]. George DANCE, delineavit. London: 1809.

VÍ DỤ 3 GOSSE, Sylvia (1881–1968). The Garden, Rowlandson House [etching and aquatint, 1912]. At: London: British Museum, Department of Prints and Drawings. Register number 1915-27-41.

VÍ DỤ 4 PELHAM, Henry, del. [Quin Abbey, Co. Clare. General view] [engraving]. Sparrow, sculpsit, 1794.

VÍ DỤ 5 Rembrandt's Etchings. Amsterdam: van Gendt & Co. and London: A. Zwemmer Ltd, 1969, vol. I, Text, p. 154.

VÍ DỤ 6 TOPICAL PRESS. [Chamberlain returns from Munich] [photograph]. London: BBC Hulton Picture Library, 1938, No. P36339.

C.14.3 Ví dụ về tham chiếu cho tác phẩm đồ họa được phát hành như là một phần của một nguồn tin khác

VÍ DỤ 1 DÜRER, Albrecht. A hare [watercolour, 1502]. In: E. SCHILLING, Albrecht Dürer Drawings and Watercolours. London: Zwemmer, 1949, frontispiece.

VÍ DỤ 2 REMBRANDT, Harmensz van Rijn. The artist's mother seated, in an oriental headdress: half-length [etching, 1631]. British Museum, Department of Prints and Drawings, [B348]. Catalogued in: Christopher WHITE and Karel G. BOON.

VÍ DỤ 3 SPY [pseudonym of (Sir) Leslie WARD]. Convocation, caricature of the Very Revd Edward Bickersteth, Dean of Lichfield. From: JEHU, Junior [pseudonym of Thomas Gibson BOWLES]. In: Vanity Fair Album. London: 1884, vol. 16, Men of the Day, no. 321.

VÍ DỤ 4 Flora dispensing her favours on the earth [engraving]. R.A. COSWAY, pinxit and T. WOOLNOTH sculpsit. In: Robert J. THORNTON, New illustration of the sexual system of Carolus von Linnaeus. London: 1799-1810,

TCVN 10256:2013

frontispiece. Use or reproduction copyright restrictions of image available from the Sterling Morton Library, The Morton Arboretum.

VÍ DỤ 5 Untitled [Judo fighters] [photograph]. In: Starkey, Hannah. Moments in the modern world: photographic works by Hannah Starkey 1997–2000. Irish Museum of Modern Art, 2000. ISBN 1-873654-90-1.

C.15 Ví dụ về tham chiếu cho bản đồ

C.15.1 Các yếu tố cụ thể

Chi tiết liên quan đến các yếu tố cụ thể bao gồm trong tham chiếu cho bản đồ được đưa ra trong 15.5.

C.15.2 Ví dụ về tham chiếu cho bản đồ được phát hành riêng

VÍ DỤ 1 CROWN LANDS AND SURVEY OFFICE, HONG KONG. [Hong Kong. 1:1,000. Series HP1C.] Hong Kong: CLSO, 1973. With contours and spot heights.

VÍ DỤ 2 Etheldreda's Isle: a pictorial map of the Isle of Ely to commemorate the 1300th anniversary of the founding of Ely's conventual church. No scale. March (Cambs): T.A. Bevis, 1973. 400 mm × 490 mm. British Library Map Library 1640(42).

VÍ DỤ 3 Germania: cum privilegio. [ca. 1: 3,000,000.] [Antwerp: s.n., 1579.] 360 mm x 480 mm. University of Berne, the Ryhiner Map Collection Ryh 4301. [viewed 10 June 2006]. Available from: <http://www.stub.unibe.ch/stub/ryhiner/> Path: Homepage; World maps...; Germany.

VÍ DỤ 4 WAR OFFICE [UK]. USSR in Asia Maritime Provinces: sheet VI-8 Vladivostock. GSGS 4219. 1:420,000. First ed. Photolithographed and printed by War Office, 1941. Copied from a Russian Map.

VÍ DỤ 5 [Wildlife sanctuaries of Trinidad.] [1:320,000.] Printed by Survey's litho printer [1967]. Publisher's number 139/67 T101.

VÍ DỤ 6 WYLD, James. Map of the countries lying between Turkey and Birmah... 1:8,000,000. London: James Wyld, 1839.

C.15.3 Ví dụ về tham chiếu cho bản đồ được phát hành như là bài đóng góp trong một nguồn tin khác

VÍ DỤ National topographic map series. [Queensland index map]. 1:100,000. In: Australia. Division of National Mapping. Statement of activities, 1 July 1984 – 30 June 1985. Annex A.1. ISSN 0811-9600.

C.16 Ví dụ về tham chiếu cho tài liệu ghi âm

C.16.1 Ví dụ về tham chiếu cho một tài liệu ghi âm hoàn chỉnh

VÍ DỤ EVANS, Bill. Sleeve note to Kind of Blue. Sound disc. Columbia, 1959. CBS (E) SBPG 62066. Reissued in 1997 as Columbia Legacy CD CK 64935.

C.16.2 Ví dụ về tham chiếu cho một tài liệu cụ thể trong một tập hợp (ví dụ: album) các bản ghi âm

VÍ DỤ GORDON, Dexter. Settin' the pace. In: Long Tall Dexter, the Savoy sessions. Sound disc. New York: Savoy, 1976. SIL 2211, side B, track 5. Distributed by Arista Records Inc., 1776 Broadway, New York, NY 10019. Originally released on Savoy MG 9003, 1947.

C.17 Ví dụ về tham chiếu cho bản nhạc

C.17.1 Các yếu tố cụ thể

Chi tiết liên quan đến các yếu tố cụ thể bao gồm trong tham chiếu cho bản nhạc được đưa ra trong 15.8.

C.17.2 Ví dụ

VÍ DỤ 1 BACH, C.Ph.E. Sonate G-moll für Violine und obligates Cembalo. Herausgegeben von Anne Marlene GURGEL. Leipzig: Peters, 1981.

VÍ DỤ 2 BOMTEMPO, João Domingos (1775-1842). [Quinteto para piano e cordas] [18--] [online]. Biblioteca Nacional de Portugal, Biblioteca Nacional Digital, 2006-06-23, 10:32:53 [viewed 19 July 2006]. Available from: <http://purl.pt/792>

VÍ DỤ 3 BRITTEN, Benjamin. Eight folk song arrangements for high voice and harp. Osian ELLIS (Ed). London: Faber Music, 1980.

VÍ DỤ 4 HANDEL, Georg Friedrich. Two trio sonatas for two violins and basso continuo [Op.5 no. 4, 5]. Edited by Siegfried Flesch. Kassel: Nagels Verlag; London: Bärenreiter, 1981.

VÍ DỤ 5 KING'S SINGERS. Christmas with the King's Singers: six arrangements for mixed voices. London: Chappell Music, 1981.

VÍ DỤ 6 MENDELSSOHN BARTHOLDY, Felix. Six Christmas pieces, op.72 [for piano]. Edited by Howard Ferguson. London: Associated Board of the Royal Schools of Music, 1983.

VÍ DỤ 7 PACINI, Giovanni. Il Corsaro. Libretto by Giacomo FERRETTI after Lord Byron. A facsimile edition of the printed piano-vocal score with an introduction by Philip GOSSETT. New York, London: Garland Publishing, 1985.

C.18 Ví dụ về tham chiếu cho sáng chế

C.18.1 Các yếu tố cụ thể

Chi tiết liên quan đến các yếu tố cụ thể bao gồm trong tham chiếu cho sáng chế được đưa ra trong 15.9

C.18.2 Ví dụ

VÍ DỤ 1 CARL ZEISS JENA, VEB. Anordnung zur lichtelektrischen Erfassung der Mitte eines Lichtfeldes. Switzerland, Patentschrift 608626. 1979-01-15.

VÍ DỤ 2 PHILIP MORRIS INC. Optical perforating apparatus and system. European patent application 0021165 A1. 1981-01-07.

VÍ DỤ 3 RES IN MOTION LTD (CA). Dual-mode keypad for a mobile device. Inventors: Frank M. TYNESKI, Mihai LAZARIDIS and Jason T GRIFFIN. EC: H04M1/23. IPC: H01H13/70; G06F3/023; H01H13/84; H04Q7/32; G06F3/023; H01H13/70; H04Q7/32. European patent application CA20062532242 20060105. 2006-07-07. European Patent Office [viewed 20 July 2006]. Available from: <http://ep.espacenet.com>

VÍ DỤ 4 WINGET LTD. Detachable bulldozer attachment for dumper vehicles. Inventor: Reginald John ENGLAND. 8 March 1967. Appl: 10 June 1963. Int. Cl: E02F 3/76. GB Cl: E1F 12. GB Patent Specification 1060631.

Thư mục tài liệu tham khảo

- [1] ISO 4, *Information and documentation - Rules for the abbreviation of title words and titles of publications* (Thông tin và Tư liệu – Quy tắc viết tắt các từ nhan đề và nhan đề của ấn phẩm)
- [2] ISO 216, *Writing paper and certain classes of printed matter - Trimmed sizes - A and B series, and indication of machine direction* (Giấy viết và một số loại ấn phẩm - Kích thước nhỏ - Xêri A và B, và Chỉ dẫn hướng xeo giấy)
- [3] ISO 832, *Information and documentation - Bibliographic description and references - Rules for the abbreviation of bibliographic terms* (Thông tin và Tư liệu- Mô tả thư mục và tài liệu tham khảo – Quy tắc viết tắt các thuật ngữ thư mục)
- [4] TCVN 6380 (ISO 2108), *Information and documentation - International standard book number (ISBN)* (Thông tin và Tư liệu – Mã số tiêu chuẩn quốc tế cho sách (ISBN))
- [5] TCVN 7217-1 (ISO 3166-1), *Codes for the representation of names of countries and their subdivisions - Part 1: Country codes* (Mã thể hiện tên nước và các vùng lãnh thổ của chúng - Phần 1: Mã nước)
- [6] TCVN 7217-2 (ISO 3166-2), *Codes for the representation of names of countries and their subdivisions - Part 2: Country subdivision code* (Mã thể hiện tên nước và các vùng lãnh thổ của chúng - Phần 2: Mã vùng lãnh thổ)
- [7] TCVN 6381 (ISO 3297), *Information and documentation - International standard serial number (ISSN)* (Thông tin và Tư liệu – Chỉ số ấn phẩm nhiều kỳ tiêu chuẩn quốc tế (ISSN))
- [8] ISO 8601, *Data elements and interchange formats - Information interchange - Representation of dates and times* (Các yếu tố dữ liệu và định dạng trao đổi - Trao đổi thông tin – Trình bày ngày tháng và thời gian)
- [9] ISO/TR 9544:1988, *Information processing - Computer-assisted publishing -Vocabulary* (Xử lý thông tin - Xuất bản có máy tính hỗ trợ - Từ vựng)
- [10] ISO 10957, *Information and documentation - International standard music number (ISMN)* (Thông tin và Tư liệu – Chỉ số âm nhạc tiêu chuẩn quốc tế (ISMN))
- [11] ISO 15836:2009, *Information and documentation - The Dublin Core metadata element set* (Thông tin và Tư liệu- Bộ yếu tố siêu dữ liệu Dublin Core)
- [12] *International DOI Foundation, DOI Handbook [online]. © 2006. Updated 19 September 2007 [viewed 20 May 2008]. Available from: <http://www.doi.org/hb.html>* (Sách tra cứu DOI[trực

tuyển]. © 2006. Cập nhật ngày 19 tháng 9 2007 xem 20 Tháng Năm 2008. Có sẵn: <http://www.doi.org/hb.html>)

- [13] WIPO Standard ST3, *Recommended standard on two-letter codes for the representation of states, other entities and intergovernmental organizations. Revision adopted by the SCIT Standards and Documentation Working Group at its eighth session on 22 March 2007. In: WIPO Handbook on Industrial Property Information and Documentation [online]. Geneva: World Intellectual Property Organization April 2007. Available from: http://www.wipo.int/standards/en/part_03_standards.html (Tiêu chuẩn WIPO ST3, Tiêu chuẩn kiến nghị về mã hai chữ cái để thể hiện tên nước, các đối tượng khác và các tổ chức liên chính phủ. Sửa đổi được thông qua bởi Nhóm làm việc Tiêu chuẩn và Tư liệu SCIT, kỳ họp thứ tám ngày 22 tháng 3 năm 2007. Trong: Sổ tay WIPO Thông tin và Tư liệu sở hữu công nghiệp [trực tuyến]. Geneva: Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới tháng 4 năm 2007. Có sẵn: http://www.wipo.int/standards/en/part_03_standards.html)*
-